

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Quản trị chặt chẽ
Tăng tốc đầu tư
Phát triển thị trường
Tăng cường nhân lực



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Quản trị chặt chẽ
Tăng tốc đầu tư
Phát triển thị trường
Tăng cường nhân lực



MỤC LỤC

06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

10 Thông tin chung

- Tổng quan về Tập đoàn
- Tầm nhìn - Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu - Biểu tượng

- Các sự kiện nổi bật
- Thông tin về tổ chức và nhân sự
- Ngành nghề SXKD chính

28 Tình hình hoạt động năm 2016

- Điểm nhấn năm 2016
- Báo cáo đánh giá của HĐQT

- Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát
- Báo cáo đánh giá của Cơ quan điều hành

46 Quan hệ với cổ đông - nhà đầu tư

- Cơ cấu cổ đông
- Thông tin cổ đông lớn

- Quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư

50 Báo cáo phát triển bền vững

- Chính sách liên quan đến người lao động
- Môi trường và năng lượng

- Hoạt động cộng đồng

56 Báo cáo kiểm toán hợp nhất

- Ý kiến kiểm toán

- Báo cáo tài chính được kiểm toán (Bảng CĐKT; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh BCTC)

1

I. THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÔNG điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG,

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex), tôi xin gửi tới Quý cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Năm 2016 đã khép lại, toàn thể cán bộ công nhân viên (CBCNV) và người lao động Vinatex đã làm việc rất nỗ lực và cố gắng hết mình cho sự nghiệp phát triển của Vinatex nói riêng và ngành DMVN nói chung. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn, tình hình dệt may toàn cầu đều suy giảm, kim ngạch xuất khẩu của DMVN tăng trưởng chậm hơn các năm trước, chỉ đạt 28,23 tỷ USD, tăng trưởng 5,42%, tăng 1,45 tỷ USD so với năm 2015, Tập đoàn đã nỗ lực cố gắng để mang lại kết quả khả quan thông qua việc mở rộng thị trường và phát huy hiệu quả các dự án đầu tư. Nhiều doanh nghiệp Vinatex đã được vinh danh “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” và “Thương hiệu quốc gia năm 2016”. Tuy nhiên, Vinatex còn tồn tại những lực cản kìm hãm sự phát triển như: Đã thiết lập được chuỗi cung ứng dệt may, nhưng còn thiếu gắn kết, chưa bền vững; nhân lực còn hạn chế, thiếu linh hoạt trong điều kiện thị trường thay đổi nhanh do đó phát huy chưa hiệu quả cao được vai trò quản lý tại các doanh nghiệp.

Trước tình hình dự báo thị trường thế giới và trong nước, nền kinh tế - chính trị - xã hội thế giới vẫn tiềm ẩn những nguy cơ mới khó lường trong năm 2017, với sự chững lại của hiệp định TPP, chậm hiệu lực của hiệp định Việt Nam - EU, để Tập đoàn Dệt May Việt Nam phát triển mạnh, bền vững, Tập đoàn cần tập trung giải quyết nhanh các hạn chế yếu kém, tăng nhanh khả năng cạnh tranh và hội nhập sâu rộng, cụ thể như sau:

- Cập nhật áp lực, tăng cường động lực để nhanh chóng đưa cả hệ thống vào hoạt động chuyên nghiệp, lấy kết quả làm thước đo năng lực và trách nhiệm của toàn hệ thống. Tiếp tục thực hiện đúng, đủ phương châm: **“Quản trị chặt chẽ, tăng tốc đầu tư, phát triển thị trường, tăng cường nhân lực”**. Cải thiện nội dung thực hiện như: Chặt chẽ nhưng năng động; tăng tốc đầu tư nhưng phải đảm bảo hiệu quả từ nhu cầu thị trường và khả năng quản trị đầu tư và sau đầu tư; tăng cường nhân lực trong đó có tính đến luân chuyển nội bộ.

- Nâng cao năng lực quản trị tài chính, rủi ro và liên kết tài chính tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Hình thành mô hình tài chính tập trung, phát huy hiệu quả các nguồn vốn, điều động vốn linh hoạt tại các doanh nghiệp. Khai thác và huy động nguồn lực tài chính trên thị trường chứng khoán sau khi cổ phiếu Vinatex đã được niêm yết. Hoàn thành việc niêm yết các công ty đại chúng theo lộ trình tái cơ cấu doanh nghiệp trong năm 2017.

- Đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước về tài chính, đầu tư, thị trường,... Xây dựng cơ chế đãi ngộ hợp lý để thu hút nhân tài, ổn định lực lượng lao động, gắn với việc triển khai hợp đồng trách nhiệm pháp lý với người quản lý, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng đội ngũ CBCNV hiểu nghề, yêu nghề, chịu trách nhiệm cao và chấp nhận rủi ro có cân nhắc. Tập trung nâng cao năng suất và chất lượng công việc của toàn hệ thống.

- Tiếp tục nâng hàm lượng khoa học kỹ thuật công nghệ vào sản xuất kinh doanh để tạo ra sản phẩm mới khác biệt, giảm

chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường, đem lại giá trị gia tăng cao cho các sản phẩm dệt may. Gắn kết chuỗi liên kết nội bộ doanh nghiệp Tập đoàn với các tổ chức kinh tế khác để phát huy được hiệu quả sức mạnh tổ hợp doanh nghiệp.

- Trách nhiệm, tích cực với vấn đề an sinh - xã hội quốc gia, nâng cao vị thế và vai trò trong việc chăm lo đời sống người lao động Vinatex.

Thay mặt cho HĐQT Tập đoàn, một lần nữa, tôi xin gửi lời tri ân chân thành đến Quý vị cổ đông, các nhà đầu tư vì đã ủng hộ, đồng hành cùng Tập đoàn thời gian qua. Với sự đoàn kết, đồng tâm và hiệp lực của tất cả quý vị, chúng ta sẽ cùng chèo lái con thuyền Vinatex vượt qua mọi khó khăn, thách thức, gạt hái thêm nhiều thành công mới trong năm 2017, góp phần củng cố và nâng tầm thương hiệu Vinatex trên trường quốc tế, phát triển bền vững lợi ích cho Quý cổ đông và người lao động.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ









Trần Quang Nghị



II. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổng quan về Tập đoàn
2. Tâm nhìn - Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu - Biểu tượng
3. Các sự kiện nổi bật
4. Thông tin về tổ chức và nhân sự
5. Ngành nghề SXKD chính

1. TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN

	Tên tiếng Việt
	TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
	Tên tiếng Anh
	VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT GROUP
	Tên giao dịch
	VINATEX
	Vốn điều lệ
	5.000.000.000.000 VND (Năm nghìn tỷ đồng)
	Địa chỉ
	VP HN: 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam VP HCM: 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
	Điện thoại
	(+84) 04. 3 825 7700
	Fax
	(+84) 04. 3 826 2269
	Website
	www.vinatex.com.vn



2. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, KHẨU HIỆU - BIỂU TƯỢNG



Tầm nhìn - Sứ mệnh

- Xây dựng giá trị và sự hài lòng cho khách hàng bằng cách thiết lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành nhà sản xuất hàng dệt may hàng đầu của khu vực và thế giới, có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ trọn gói trên toàn chuỗi cung ứng, thời trang, chất lượng cao và thân thiện với môi trường.
- Đạt hiệu quả sản xuất cao nhờ liên tục cải thiện chất lượng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, chăm lo đời sống cho người lao động và có trách nhiệm với xã hội.



Văn hóa doanh nghiệp

- Hiểu công việc mình làm.
- Yêu nghề, nhiệt huyết, có thái độ tích cực đối với công việc.
- Không đổ lỗi, không né tránh trách nhiệm, sẵn sàng nhận lỗi khi có sai sót.
- Không ngừng học hỏi, biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp để hoàn thiện bản thân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.
- Luôn đổi mới sáng tạo, làm việc có kế hoạch, tìm kiếm các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Tự hào về thành tích tập thể, đoàn kết hợp tác, đồng lòng vì mục tiêu chung, nhiệm vụ chung.



Khẩu hiệu

“Gấm vóc non sông,
Hào khí Lạc Hồng”



VINATEX

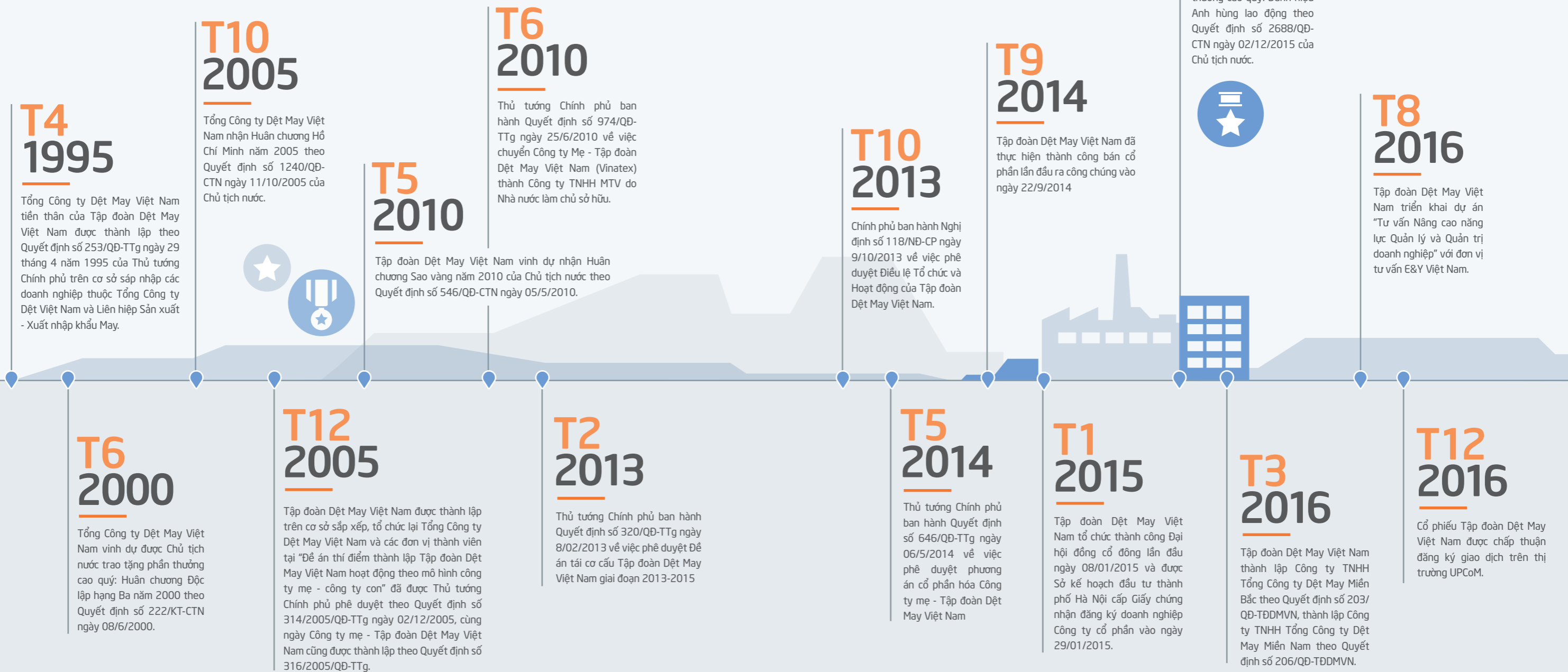


Biểu tượng

- Biểu tượng của VINATEX lấy ý tưởng tạo hình là những dải lụa mềm mại. Biểu tượng cũng là sự kết hợp của 2 chữ V (Việt Nam) và chữ T (Textile). Hình elip xanh dương tượng trưng cho trái đất, thể hiện cho định hướng vươn ra, hội nhập với thị trường thế giới của VINATEX. Hình elip bao quanh biểu tượng chữ “VT” còn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.
- Dòng chữ “VINATEX” được thiết kế theo kiểu chữ Arial Black mạnh mẽ thể hiện cho thế đứng vững chắc của VINATEX trên thị trường.
- Biểu tượng sử dụng màu xanh dương đậm, thể hiện tính truyền thống, sang trọng mang lại cảm giác ổn định, đáng tin cậy của thương hiệu VINATEX.

3. CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT

Quá trình hình thành và phát triển của Vinatex gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển ngành dệt may Việt Nam. Vinatex luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành.



4. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

4.1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



4.2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

4.2.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT hiện tại gồm 07 thành viên.

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Tiến Trường	TV HĐQT - TGD
3	Đặng Vũ Hùng	TV HĐQT - P.TGD
4	Phạm Phú Cường	TV HĐQT - P.TGD
5	Lê Khắc Hiệp	TV HĐQT
6	Lê Đình Ngọc	TV HĐQT độc lập
7	Don Di Lam	TV HĐQT độc lập



ÔNG TRẦN QUANG NGHỊ

Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Quang Nghị được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị vào tháng 01/2015. Chủ tịch Trần Quang Nghị có hơn 35 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may, là một người trưởng thành từ thực tế, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về ngành dệt may. Trước khi tham gia quản lý, điều hành tại Tập đoàn, ông Trần Quang Nghị là Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú - một đơn vị hàng đầu của ngành Dệt May Việt Nam. Ông Trần Quang Nghị là người quản lý đầy nhiệt huyết, quyết liệt trong quản trị và điều hành, là người đưa ra định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển của Tập đoàn.

Ông Trần Quang Nghị đã được nhận nhiều Bằng khen, Huân chương của Đảng và Nhà nước trao tặng.

ÔNG LÊ TIẾN TRƯỜNG TV HĐQT - TGD

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ tháng 01/2015. Ông đã có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dệt May Việt Nam và có hơn 10 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc trước khi Tập đoàn được cổ phần hóa.

Ông Lê Tiến Trường có bằng ĐH Kỹ sư Cơ khí, bằng Thạc sỹ Quản trị Nhân lực, từng tu nghiệp sau đại học tại INSEAD (Pháp), Ashridge (Anh), AIT (Thái Lan), Harvard (Mỹ), là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt trong quản lý và điều hành Tập đoàn.

ÔNG ĐẶNG VŨ HÙNG TV HĐQT - TGD

Ông Đặng Vũ Hùng có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may, là người được đào tạo chuyên sâu về ngành dệt may với học vị Tiến sỹ Công nghệ Dệt. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ GD nhà máy Sợi OE - Công ty Dệt Phong Phú, TGD Công ty CP Quốc tế Phong Phú, Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty TNHH MTV Dệt 8/3...

ÔNG PHẠM PHÚ CƯỜNG TV HĐQT - TGD

Ông Phạm Phú Cường là Thạc sỹ Kinh tế, với trên 23 năm kinh nghiệm và gắn bó với ngành dệt may. Ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như GĐĐH Công ty CP May Nhà Bè, Phó TGD, TGD và Chủ tịch Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP... Ông đã từng đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ Công Thương và được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

ÔNG LÊ KHẮC HIỆP Thành viên HĐQT

Ông Lê Khắc Hiệp hiện là Phó CT HĐQT Tập đoàn Vingroup - Công ty CP. Ông tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Kharkov - Ucraina (Liên Xô cũ) với học vị Tiến sỹ vật lý. Ông gia nhập Vingroup năm 2004 và giữ nhiều vị trí quan trọng như Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vincom, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Vincom.

ÔNG LÊ ĐÌNH NGỌC Thành viên HĐQT độc lập

Ông Lê Đình Ngọc hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Maritime Bank và Công ty CP quản lý Quỹ Tín Phát. Ông là một chuyên gia có kinh nghiệm lâu năm trong ngành Chứng khoán - Ngân hàng, có học vị Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng và Thị trường Tiền tệ, từng kinh qua nhiều vị trí quan trọng như: Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Chứng khoán Thăng Long, Phó TGD Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

ÔNG DON DI LAM Thành viên HĐQT độc lập

Ông Don Di Lam hiện là Tổng Giám đốc Tập đoàn VinaCapital. Ông từng kinh qua nhiều vị trí quan trọng tại các công ty và Tập đoàn lớn như Giám đốc Tập đoàn Deutsche Bank Việt Nam, Giám đốc Khối Tư vấn Doanh nghiệp Công ty Kiểm toán PriceWaterhouseCoopers Vietnam.

4.2.2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tập đoàn và hiện có 05 thành viên.

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Nguyễn Thị Minh Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Phan Thanh Sơn	Thành viên Ban Kiểm soát
4	Lê Thị Ánh Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát
5	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

BÀ NGUYỄN THỊ MINH HIỀN

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Minh Hiền là Cử nhân Kinh tế tại trường Đại học Tài chính Kế toán, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Bà từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn Việt Nam như: Phó Trưởng ban Tài chính - Kế toán Tổng Công ty Dệt May Việt Nam (nay là Tập đoàn Dệt May Việt Nam), Trưởng Ban Pháp chế Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Dung tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc Dân. Bà có nhiều năm giữ những vị trí công tác gắn liền với lĩnh vực tài chính kế toán như: Trưởng phòng Kế toán Công ty May Đức Giang (nay là Tổng Công ty Đức Giang - CTCP), Kế toán trưởng Công ty CP May Hồ Gươm, Phó Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG PHAN THANH SƠN

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Phan Thanh Sơn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Tài chính, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính. Ông từng đảm nhận các vị trí: Trưởng ban kiểm toán nội bộ, Ủy viên Ban kiểm soát Tổng công ty Dệt May Việt Nam, Kế toán trưởng Công ty Len Việt Nam, Phó Ban Tài chính Kế toán, Phó Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ LÊ THỊ ÁNH NGỌC

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Ánh Ngọc hiện là Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú. Bà tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh và từng đảm nhận nhiều vị trí công tác như: Phó Ban KD BĐS kiêm GD sàn giao dịch BĐS Nam Cường - Tập đoàn Nam Cường, Trưởng ban Tiếp nhận và Bàn giao BĐS kiêm Phó Ban KD BĐS - Tập đoàn Vingroup, Giám đốc Phát triển Dự Án Tổng Công ty CP Phong Phú.

BÀ NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà hiện là Chuyên viên Ban Tài chính - Tập đoàn Vingroup - Công ty CP. Bà tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán chuyên ngành Kiểm toán. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà có gần 10 năm công tác tại các doanh nghiệp như: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH MTV VTC Công nghệ và nội dung số, Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.

4.2.3. CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

Cơ quan Điều hành thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. Cơ quan Điều hành của Tập đoàn bao gồm 01 Tổng Giám đốc cùng với một số Phó Tổng Giám đốc, một số Giám đốc Điều hành và một Kế toán trưởng.

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Lê Tiến Trường	TV HĐQT - Tổng Giám đốc
2	Đặng Vũ Hùng	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
3	Phạm Phú Cường	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
5	Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
6	Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
7	Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
8	Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
9	Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành kiêm GD TT Đào tạo CBQL DN dệt may
10	Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành kiêm Kế toán trưởng
11	Lê Mạc Thuấn	Giám đốc Điều hành
12	Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc CN TĐ DMVN tại TP. HCM



ÔNG LÊ TIẾN TRƯỜNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ tháng 01/2015. Ông đã có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dệt May Việt Nam và có hơn 10 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc trước khi Tập đoàn được cổ phần hóa.

Ông Lê Tiến Trường có bằng ĐH Kỹ sư Cơ khí, bằng Thạc sỹ Quản trị Nhân lực, từng tu nghiệp sau đại học tại INSEAD (Pháp), Ashridge (Anh), AIT (Thái Lan), Havard (Mỹ), là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt trong quản lý và điều hành Tập đoàn.

ÔNG PHẠM DUY HẠNH

Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân tài chính, Thạc sỹ QTKD với gần 40 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may. Ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Nam Định thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam, UV HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ PHẠM NGUYỄN HẠNH

Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân Tài chính, Thạc sỹ QTKD có gần 30 năm công tác trong ngành dệt may và từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Kế toán trưởng, GĐĐH, Phó TGD Công ty May Đức Giang, Trưởng Ban TCKT, Kế toán trưởng, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG LÊ TRUNG HẢI

Phó Tổng Giám đốc

Kỹ sư chuyên ngành dệt, kỹ sư hóa nhuộm, là người trưởng thành từ thực tiễn quản lý và điều hành doanh nghiệp với gần 40 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc Nhà máy Dệt - Công ty Dệt Phong Phú, Phó TGD Công ty Dệt Phong Phú, TGD Công ty Dệt Phước Long, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG HOÀNG VỆ DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

Ông từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng như: TGD Công ty May Đức Giang, Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP May Đức Giang, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG ĐẶNG VŨ HÙNG

TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may, là người được đào tạo chuyên sâu về ngành dệt may với học vị Tiến sỹ Công nghệ Dệt. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ GD nhà máy Sợi OE-Công ty Dệt Phong Phú, TGD Công ty CP Quốc tế Phong Phú, Chủ tịch HĐQT-TGD Công ty TNHH MTV Dệt 8/3...

ÔNG NGUYỄN ĐỨC KHIÊM

Phó Tổng giám đốc

Kỹ sư chuyên ngành dệt, là người có nhiều năm gắn bó và có kinh nghiệm gần 40 năm trong ngành dệt may. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Phó TGD Tổng Công ty Việt Thắng, Chủ tịch HĐQT - TGD Tổng Công ty Việt Thắng, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ PHẠM MINH HƯƠNG

Giám đốc điều hành

Là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và Tài chính. Bà từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Tiếp thị và Xuất Nhập khẩu, Giám đốc Phát triển Kinh doanh, Tiếp thị, Xuất Nhập khẩu, GĐĐH, Phó TGD, thành viên Ban Quản trị Tổng Công ty Phong Phú, TGD Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam.

ÔNG PHẠM VĂN TÂN

Giám đốc điều hành kiêm Kế toán trưởng

Là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính với học vị Thạc sỹ Tài chính và có hơn 20 năm gắn bó với ngành dệt may. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó phòng Kế toán Công ty May Đức Giang, Kế toán trưởng Công ty CP Hóa Dầu và Xơ sợi Dầu khí, Phó Ban Tài chính Kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG PHẠM PHÚ CƯỜNG

TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Phú Cường là Thạc sỹ Kinh tế, với trên 23 năm kinh nghiệm và gắn bó với ngành dệt may. Ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như GĐĐH Công ty CP May Nhà Bè, Phó TGD, TGD và Chủ tịch Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP... Ông đã từng đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ Công Thương và được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

ÔNG NGUYỄN KHÁNH SƠN

Giám đốc điều hành

Kỹ sư chuyên ngành sợi, Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp với hơn 30 kinh nghiệm trong ngành dệt may. Ông đã đảm nhận các vị trí quan trọng như Phó TGD Công ty Dệt May Hà Nội, TGD Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội, Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội.

ÔNG LÊ MẠC THUẤN

Giám đốc điều hành

Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may với trình độ chuyên môn là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như TGD Xí nghiệp May Sông Tiên, GĐĐH Công ty May Nhà Bè, Phó TGD Tổng Công ty May Nhà Bè.

5. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

5.1. NGÀNH SỢI

- Năng lực thiết kế:

144.216 tấn/năm
(quy đổi Ne30)

Trong đó, năng lực **tăng thêm** do đầu tư năm 2016: 5.409 tấn/năm

- Mặt hàng:

Sợi pha TC, TR, CVC, sợi cotton, sợi cotton se, sợi polyester, sợi dệt Ne 30/1-40/1, sợi CVCD, sợi CVCM, sợi 100% cotton chải thô/chải kỹ,...

- Thiết bị công nghệ:

Sợi được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến có xuất xứ từ Châu Âu, Nhật, Trung Quốc... Thiết bị đã đầu tư trong các dự án hiện nay chủ yếu được cung cấp bởi các hãng chế tạo danh tiếng trên thế giới với tính tự động hóa cao, giúp cho việc kiểm soát chất lượng tốt hơn, tăng năng suất và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

5.2. NGÀNH VẢI

5.2.1 VẢI DỆT THOI

- Năng lực thiết kế:

155.400 ngàn mét vuông/năm

Trong đó, năng lực **tăng thêm** do đầu tư năm 2016: 781 ngàn mét vuông/năm.

- Thiết bị công nghệ:

- Máy dệt được nhập chủ yếu từ Nhật Bản, trong đó máy dệt khí chiếm tỉ trọng lớn (khoảng 80%). Máy dệt khí của hãng Toyota được đánh giá cao do tốc độ và hiệu suất máy cao (vận tốc trung bình 1000 vòng/phút), dễ thao tác, độ bền cao, phù hợp với điều kiện môi trường khí hậu tại Việt Nam.

- Máy mắc và máy hồ hiện nay nhập chủ yếu từ Trung Quốc và Đài Loan, với trình độ công nghệ tiên tiến, giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị dệt, tăng năng suất chất lượng sản phẩm.

- Máy nhuộm trong các dự án được nhập chủ yếu từ Châu Âu và Châu Á và được cung cấp bởi các hãng Thies - Đức, Fong's - Hongkong.

5.2.2 VẢI DỆT KIM

- Năng lực thiết kế:

14.200 tấn/năm

Trong đó, năng lực **tăng thêm** do đầu tư năm 2016: 89 tấn/năm

- Thiết bị công nghệ:

Dây chuyền sản xuất với công nghệ tiên tiến, được nhập chủ yếu từ Châu Âu, Đài Loan, Nhật Bản... do các hãng chế tạo có uy tín cung cấp (Máy dệt kim: Mayer Cie - Đức, Terrot - Đức, Fukuhara - Nhật, Fukahama - Đài Loan, Junnlong-Đài Loan; Máy nhuộm: Thies - Đức, Fong's - Hongkong).

5.3. NGÀNH MAY

- Năng lực thiết kế:

307 triệu sản phẩm/năm

Trong đó, năng lực **tăng thêm** do đầu tư năm 2016: 12,7 triệu sản phẩm/năm

- Thiết bị công nghệ:

Công nghệ thiết bị hiện đại, được nhập chủ yếu từ Châu Âu, Nhật và Mỹ (Juki - Nhật, Brother - Nhật, Kansai - Nhật, Durkopp Adler - Đức, Gerber - Mỹ).

3

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

1. Điểm nhấn năm 2016
2. Báo cáo đánh giá của HĐQT
3. Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát
4. Báo cáo đánh giá của Cơ quan Điều hành

1. ĐIỂM NHẤN NĂM 2016

Sợi tăng thêm
5.409 tấn sợi
(chỉ số bq Ne30)

1 Vận hành nhiều dự án đầu tư mới, gia tăng năng lực sản xuất của Tập đoàn trên toàn chuỗi. Tại Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng đưa vào vận hành thương mại 7/8 dự án đầu tư, bao gồm 2 dự án sản xuất Sợi, 1 dự án sản xuất Vải và 4 dự án May.

Vải dệt kim tăng
89 tấn

Vải dệt thoi tăng
781 ngàn mét vuông

May tăng
12,7 triệu sản phẩm



2 Thành lập hai Tổng Công ty Dệt May tại phía Bắc và phía Nam để phát triển chuỗi liên kết Sợi - Dệt nhuộm - May tại từng vùng theo phương thức sản xuất ODM. Đây là bước tiến bứt phá để tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp FDI, từng bước thâm nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu.



3 Triển khai đề án “Nâng cao năng lực quản lý và quản trị doanh nghiệp” Vinatex do E&Y Việt Nam tư vấn. Đây là dự án bản lề giúp Vinatex từng bước đổi mới căn bản và toàn diện mô hình quản trị Tập đoàn cổ phần theo thông lệ quốc tế. Dự án triển khai từ tháng 8/2016 và dự kiến hoàn thành trong năm 2017.



4 Vinatex chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 03/01/2017 với mã cổ phiếu VGT và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 13.500 đồng/cổ phiếu.



5 Vinatex vinh dự đón tiếp nhiều đoàn Lãnh đạo cấp cao của chính phủ về thăm và làm việc. Đây là niềm tự hào và là động lực cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục sáng tạo, nỗ lực vượt khó trên tinh thần dám nghĩ - dám làm, xứng đáng là cánh chim đầu đàn của ngành Dệt May Việt Nam.

2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

2.1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2016

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%	
2	Ông Lê Tiến Trường	TV HĐQT, TGD	9/9	100%	
3	Ông Đặng Vũ Hùng	TV HĐQT, PTGD	9/9	100%	
4	Ông Phạm Phú Cường	TV HĐQT, PTGD	9/9	100%	
5	Ông Lê Khắc Hiệp	TV HĐQT	8/9	89%	Đi công tác
6	Ông Lê Đình Ngọc	TV HĐQT độc lập	9/9	100%	
7	Ông Don Di Lam	TV HĐQT độc lập	7/9	78%	Đi công tác

Trong năm 2016, HĐQT đã thực hiện đúng Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tập đoàn, đã thực hiện 9 Phiên họp HĐQT; ban hành 35 Nghị quyết để định hướng, giao nhiệm vụ và chỉ đạo Cơ quan Điều hành nhằm thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2016, trong đó có một số nội dung chính như sau:

- Tái cơ cấu doanh nghiệp Tập đoàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Đẩy mạnh đầu tư phát triển theo chiều sâu, kết nối chung về thị trường doanh nghiệp.
- Thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh, tạo giá trị gia tăng cao hơn cho sản phẩm dệt may.



2.2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc được thể hiện như sau:

- Tăng cường sự chỉ đạo, giám sát và hậu kiểm với Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện, triển khai các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết Hội đồng Quản trị và có những điều chỉnh kịp thời khi xảy ra vướng mắc.
- Tăng cường động lực, lấy kết quả làm thước đo năng lực và trách nhiệm của toàn hệ thống theo phương châm “Quản trị chặt chẽ, tăng tốc đầu tư, phát triển thị trường, tăng cường nhân lực”.
- Duy trì chế độ báo cáo và đánh giá hàng tháng của Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh các đơn vị mà Tập đoàn có vốn, Công ty mẹ Tập đoàn đồng thời đề xuất các giải pháp quản lý để tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo Tổng Giám đốc kiện toàn, nâng cao chất lượng bộ máy nhân sự Cơ quan điều hành, Ban chức năng Tập đoàn, Người đại diện vốn tại đơn vị thành viên trong các vấn đề về quản trị tài chính, đầu tư, kiểm soát rủi ro...

Kết quả giám sát:

Theo đánh giá của HĐQT, Tổng Giám đốc và Cơ quan điều hành đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động kinh doanh; triển khai các quyết nghị của Đại hội đồng Cổ đông và của Hội đồng Quản trị một cách cẩn trọng trong sự tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và quy chế hoạt động của Tập đoàn.

2.3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Năm 2016 thế giới xảy ra nhiều biến động về kinh tế, chính trị như: Sự kiện Brexit, Mỹ có tân Tổng thống và tuyên bố chính thức về việc rút khỏi hiệp định TPP đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến ngành Dệt May Việt Nam. Ngoài ra, các quốc gia cạnh tranh xuất khẩu dệt may với Việt Nam như: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia, Myanmar đưa ra các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp dệt may (ưu đãi thuế, phá giá đồng nội tệ...) nhằm thu hút đơn hàng, gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam.
- Tuy gặp nhiều khó khăn, song nhờ chủ động sáng tạo trong quản lý điều hành, cùng với sự đoàn kết và nỗ lực phấn đấu của tập thể người lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2016 đều tăng trưởng so năm 2015, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	So sánh 2016/2015
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	36.512	38.124	104%
2	KN xuất khẩu (Tính đủ)	Tr. USD	2.394	2.497	104%
3	KN nhập khẩu (Tính đủ)	Tr. USD	1.139	1.148	101%
4	Doanh thu (ko VAT)	Tỷ đồng	39.456	41.146	104%
5	Lợi nhuận trước thuế của các đơn vị Tập đoàn có vốn	Tỷ đồng	1.348	1.424	106%

(Kết quả SXKD hợp cộng từ các đơn vị Tập đoàn có vốn góp)

2.4. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG 2017 CỦA HĐQT

2.4.1. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC NĂM 2017

Cơ hội:

Mặc dù còn tồn tại nhiều bất ổn từ sự nổi lên của chủ nghĩa bảo hộ và nguy cơ trả đũa thương mại nhưng nhiều tổ chức kinh tế thế giới đánh giá kinh tế toàn cầu sẽ dần hồi phục trong năm 2017, có thể đạt tăng trưởng 2-3%, nhu cầu dệt may thế giới phục hồi nhẹ (khoảng 0,5% - theo Euler Hermes) nhờ khả năng phục hồi từ thị trường Mỹ và Trung Quốc. Bên cạnh đó, trong năm 2017, Mỹ có thể sẽ điều chỉnh tăng mức thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng từ Trung Quốc, bao gồm cả hàng dệt may sẽ tạo ra những tín hiệu tích cực đối với xuất khẩu dệt may Việt Nam như tăng thị phần tại thị trường Mỹ, dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Hiệp định EVFTA chưa có hiệu lực trong năm 2017, song đây lại là cơ hội để các doanh nghiệp dệt may Việt Nam và Vinatex có bước chạy đà tốt hơn nhằm cải thiện thị phần tại Châu Âu trong năm 2018 và các năm tiếp theo.

Ở trong nước, mặc dù những bất ổn vẫn chưa được khắc phục nhưng với những quyết tâm, nỗ lực của Chính phủ trong việc tháo gỡ rào cản cho doanh nghiệp phần nào đã tạo niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp. Theo đó, nhiều chuyên gia nhận định kinh tế trong nước 2017 tiếp tục ổn định, tỷ giá được điều chỉnh linh hoạt hơn so 2016 (dự báo đồng nội tệ 2017 mất giá khoảng 2-3%), phần nào hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp.

Thách thức:

Với xuất phát điểm thấp, ngành Dệt May Việt Nam ngày càng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, cụ thể:

- **Cạnh tranh đơn hàng ngày càng gay gắt** do các doanh nghiệp Việt Nam chưa có khả năng cung cấp các giải pháp trọn gói và gặp nhiều khó khăn trong việc đáp ứng các điều kiện giao hàng của các nhà nhập khẩu; các quốc gia cạnh tranh xuất khẩu dệt may lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia tiếp tục thu hút đơn hàng nhờ các chính sách hỗ trợ về thuế, tỷ giá... trong khi các trợ lực được kỳ vọng hỗ trợ cho xuất khẩu như các Hiệp định EVFTA, TPP đều chưa có hiệu lực trong năm 2017.

- **Chi phí đầu vào tăng cao** (đặc biệt là chi phí tiền lương, bảo hiểm, chi phí vận chuyển và chi phí điện), giá bán đầu ra liên tục bị khách hàng yêu cầu giảm giá.

- Ngành Dệt May Việt Nam vẫn đang **thiếu hụt nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao**, vận hành được máy móc thiết bị hiện đại, đặc biệt là ở khâu Dệt nhuộm.

2.4.2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2017

Để đạt được các mục tiêu chiến lược, Vinatex cần thực hiện đồng bộ và hiệu quả nhiều giải pháp để tạo ra sự khác biệt, đột phá về kim ngạch xuất khẩu, mang lại giá trị thặng dư thương mại lớn, cụ thể:

- Nâng cao năng lực quản lý và quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hướng tới một Tập đoàn quy mô khu vực và quốc tế.
- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm khách hàng, mở rộng tìm kiếm và phát triển thị trường mới như các nước khối Đông Âu, tận dụng ưu thế từ các FTAs đã có hiệu lực VN - Korea, Liên minh kinh tế Á - Âu...
- Đầu tư hiệu quả, tăng năng suất, giảm chi phí, nâng cao năng lực hiện có chuỗi cung ứng hoàn tất Sợi - Dệt - Nhuộm - May.
- Quản lý và đầu tư tài chính thông minh, xem xét thoái vốn tại những đơn vị yếu kém, sử dụng vốn chưa hiệu quả.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV Tập đoàn, đủ về lượng, tinh về chất, đáp ứng những điều kiện mới đặt ra đối với cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0. Sớm phát hiện cán bộ có năng lực để bồi dưỡng, bổ nhiệm, đề bạt vào các vị trí chủ chốt.



3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

3.1. HOẠT ĐỘNG ĐÃ TRIỂN KHAI NĂM 2016

Ban Kiểm soát có 05 thành viên, trong đó có 3 thành viên chuyên trách, 2 thành viên kiêm nhiệm, hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ được phân công cho từng thành viên Ban kiểm soát.

Phương thức hoạt động: Chủ động kiểm tra giám sát, phối hợp, trao đổi với HĐQT, Cơ quan điều hành, các Ban chức năng, Ban Kiểm soát nội bộ, Người đại diện vốn, các Ban Kiểm soát của các đơn vị để thực hiện chức năng nhiệm vụ, nắm bắt thường xuyên, cảnh báo kịp thời hạn chế rủi ro xảy ra.

Doanh thu đạt:

99,5% kế hoạch

Lợi nhuận đạt:

60,9%

Tỷ lệ P trước thuế /vốn:

5,67%

Cổ tức chia:

5%

Trong năm 2016 Ban Kiểm soát đã thực hiện các công tác sau:

- Công tác giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Cơ quan điều hành.
- Công tác giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công tác giám sát Báo cáo tài chính.

Kết quả giám sát:

3.1.1. VỀ VIỆC GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH:

a. Hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng Quản trị

- Qua kiểm tra giám sát, BKS nhận thấy hoạt động của HĐQT về tổ chức các cuộc họp, ban hành các Nghị quyết đều tuân thủ theo đúng pháp luật và Điều lệ Tập đoàn, đã thực hiện 9 Phiên họp HĐQT; Ban hành 35 Nghị quyết định hướng, giao nhiệm vụ và chỉ đạo Cơ quan điều hành nhằm thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

- HĐQT đã tạo điều kiện để Cơ quan điều hành thực hiện các mục tiêu đề ra.

- HĐQT thực hiện việc giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành qua việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các báo cáo thường kỳ, thường niên của Cơ quan điều hành và các báo cáo trong các phiên họp của HĐQT.

b. Hoạt động giám sát của BKS đối với Cơ quan điều hành:

- Qua giám sát kiểm tra, BKS nhận thấy Ban Giám đốc điều hành Tập đoàn đã triển khai đồng bộ các biện pháp để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT, tuy nhiên do tình hình thị trường và các dự án mới đi vào hoạt động chưa hiệu quả nên các chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra, cụ thể doanh thu đạt 99,5% kế hoạch, lợi nhuận đạt 60,9%, tỷ lệ P trước thuế /vốn 5,67% tăng so năm trước 6,3%, cổ tức chia 5%.

- **Về đầu tư:** 7 dự án triển khai năm 2015 đã hoàn thành đi vào sản xuất, năm 2016 triển khai dự án Khu Liên Hiệp Sợi Dệt Nhuộm Quế Sơn với quy mô 10,4 ha, tổng mức đầu tư dự kiến 1.200 tỷ đồng.

- **Về tái cơ cấu:** Năm 2016 đã thành lập 2 Tổng Công ty 100% vốn Tập đoàn: Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc, Tổng Công ty Dệt May Miền Nam và 2 Chi nhánh Sợi Nam Định và Sợi Phú Cường.

3.1.2. VỀ KIỂM TRA GIÁM SÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Kiểm tra giám sát các đơn vị 100% vốn và một số các đơn vị Tập đoàn đầu tư vốn, kết quả kiểm tra nói chung các đơn vị đều ổn định sản xuất và có hiệu quả, tuy có 2 đơn vị là Công ty CP Len Việt Nam và Công ty CP SX-XNK Dệt May rất khó khăn.

3.1.3. VỀ KIỂM TRA GIÁM SÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY MẸ TẬP ĐOÀN:

Kết quả kiểm tra không có thay đổi so với Báo cáo đã kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.1.4. KHUYẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Đề nghị Hội đồng quản trị và Cơ quan điều hành cần tập trung nguồn lực để chỉ đạo, quản lý khai thác có hiệu quả các đơn vị mới thành lập như 2 Tổng Công ty: Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc, Tổng Công ty Dệt May Miền Nam và các Chi nhánh được hình thành từ các dự án đầu tư hoàn thành.

3.2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Cơ quan điều hành Tập đoàn thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Giám sát kiểm tra theo quý, năm hoạt động của Công ty Mẹ Tập đoàn, các đơn vị 100% vốn Tập đoàn và các đơn vị có vốn đầu tư của Tập đoàn đang có khó khăn.



4. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

4.1. TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG DỆT MAY NĂM 2016

Năm 2016 là một năm khó khăn đối với ngành dệt may thế giới nói chung và ngành Dệt May Việt Nam nói riêng. Trong 6 tháng đầu năm, các quốc gia nhập khẩu chính là USA, EU, Nhật Bản đều có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa dệt may thấp. Cụ thể, nhập khẩu của thị trường USA giảm 3,4%, nhập khẩu của EU tăng nhẹ 2,1%, nhập khẩu của Nhật bản giảm 2,6%, nhập khẩu của Hàn Quốc giảm 2,1%. Sang đến nửa cuối năm 2016, hàng loạt tin tức như Brexit, Mỹ có tân tổng thống mới đã gây ảnh hưởng đến tình hình kinh tế thế giới nói chung, đồng thời ảnh hưởng tiêu cực đến dệt may. Kết quả, tổng cầu dệt may thế giới tiếp tục giảm so với 6 tháng đầu năm, đặc biệt tại các thị trường lớn như Mỹ giảm 4,8%, Nhật Bản giảm 1,7%, Hàn Quốc giảm 4%.

Ngoài các đặc điểm về thị trường, năm 2016 là năm dệt may Việt Nam có nhiều khó khăn riêng:

Thứ nhất, các quốc gia XK dệt may trong Top 5 đều phá giá đồng tiền ở mức lớn (trên 10%), trong khi VND chỉ phá giá nhẹ 1%, dẫn đến hàng hóa dệt may Việt Nam có xu thế đắt hơn các nước khác. Nhiều thời điểm một số mặt hàng chủ lực xuất khẩu của Việt Nam như sợi cotton không thể xuất được ra thị trường (đặc biệt là trong Quý 3-4/2016 do giá nguyên liệu tăng cao nhưng giá bán không điều chỉnh theo mức tăng của nguyên liệu).

Thứ hai, trong nửa đầu năm 2016, các quốc gia thuộc Top

5 về xuất khẩu dệt may (Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia) đều nằm ngoài TPP và đều có chính sách trực tiếp để thu hút đơn hàng do lo ngại xu hướng dịch chuyển đơn hàng qua Việt Nam, cụ thể như giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu (bông, xơ, hóa chất), miễn thuế GTGT dù mua nguyên liệu nội địa để sản xuất xuất khẩu, giảm thuế TNDN, không tăng lương tối thiểu.

Thứ ba, Việt Nam tiếp tục tăng lương tối thiểu 2016 (trên 12%), mức đóng góp tổng cộng cho các quỹ bảo hiểm, công đoàn lên tới 34,5%, cao nhất trong nhóm các nước xuất khẩu dệt may.

Thứ tư, nhiều nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sản xuất tại Việt Nam để đón đầu TPP đã có xu thế cắt giảm đơn hàng tại các đơn vị đối tác Việt Nam trước đây để chuyển về sản xuất tại nhà máy của mình. Theo đó, áp lực tìm kiếm khách hàng mới và đơn hàng thay thế tại các doanh nghiệp Việt Nam là rất lớn trong năm 2016.

Ngoài các yếu tố khách quan, bản thân ngành Dệt May Việt Nam vẫn còn những hạn chế nội tại cần tập trung khắc phục:

Thứ nhất, việc chủ động trong thị trường và khách hàng chưa cao. Doanh nghiệp Việt Nam phổ biến vẫn ký hợp đồng thông qua các khách hàng cấp 2, chưa là đầu mối trực tiếp cho các khách hàng lớn.

Thứ hai, doanh nghiệp Việt Nam chưa xây dựng được “quyền lực của nhà sản xuất”, vẫn đang nằm ở thế dễ bị thay thế, chưa là sự lựa chọn ưu tiên cao nhất của các nhà đặt hàng.

Thứ ba, doanh nghiệp chưa có được giải pháp trọn gói cho khách hàng, nên không có quyền trong lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu, dẫn đến khó khăn kéo theo cho các nhà sản xuất vải trong nước.

Thứ tư, năng suất lao động, mô hình quản lý chưa theo kịp tốc độ giảm giá trên thị trường thế giới cũng như tốc độ tăng lương trong nước, dẫn đến hiệu quả khó được cải thiện. Đồng thời, liên kết doanh nghiệp trong nước vì lợi ích chung, xây dựng từng bước quyền lực nhà sản xuất lớn chưa hiệu quả.

Mặc dù vậy, ngành Dệt May Việt Nam vẫn cố gắng duy trì mức tăng trưởng xuất khẩu đạt 5,42% so với năm 2015, trong đó tỷ lệ xuất đi USA tăng 5,03%, EU tăng 5,78%, Nhật 4,9%. Đồng thời, nếu so sánh tương quan với các đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh...tốc độ tăng trưởng xuất khẩu dệt may của Việt Nam với mức tăng trưởng 5,42% là cao nhất trong nhóm các quốc gia xuất khẩu dệt may. Cụ thể, đối với Trung Quốc, xuất khẩu dệt may giảm 4,2%, trong đó xuất đi USA giảm 7,9%, EU giảm 3%, Nhật giảm 1,1%, Hàn Quốc giảm 7,9%. Đối với Ấn Độ, xuất khẩu dệt may giảm 4,7%, trong đó xuất đi USA giảm 0,8%, đi EU giảm 0,4%, Nhật chỉ tăng 1,6%, Hàn Quốc giảm 0,28%. Đối với Bangladesh, xuất khẩu dệt may tăng 4,9%, trong đó xuất USA giảm 2,95%, EU tăng 8,38%, Nhật tăng 18,5%, Hàn Quốc giảm 2,2%. Đối với Indonesia, xuất khẩu giảm 5,3%, xuất đi USA giảm 5,6%, EU giảm 4,4%, Nhật giảm 0,5%, Hàn Quốc tăng 9%. Với KNXX 28,23 tỷ USD, năm 2016 dệt may Việt Nam đứng thứ 4 thế giới về kim ngạch sau Trung Quốc khoảng 262 tỷ, Ấn Độ 35,4 tỷ USD, Bangladesh gần 34 tỷ USD.

Ngành Dệt May Việt Nam duy trì mức tăng trưởng xuất khẩu tại các thị trường chính, cụ thể:



tăng
5,03%



tăng
5,78%



tăng
4,9%



4.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Những ảnh hưởng bất lợi từ thị trường trên đã gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinatex và các đơn vị thành viên, những điểm yếu cố hữu của ngành Dệt May Việt Nam vẫn còn tồn tại ở các mức độ khác nhau trong nội bộ Vinatex và các đơn vị thành viên. Tuy nhiên, bằng rất nhiều giải pháp và nỗ lực trong quản trị điều hành, kết quả kinh doanh của Vinatex đều tăng so với cùng kỳ.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY MẸ:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	KH 2016	2016	So sánh	
		(1)	(2)	(3)	(3)/(1)	(3)/(2)
1	Tổng doanh thu	869,3	1.406,9	1.299,9	149,5%	92,4%
2	Tổng chi phí	602,5	941,5	1.016,5		
3	Lợi nhuận trước thuế	266,7	465,3	283,4	106,2%	60,9%
4	Tỷ suất LNTT/VĐL	5,3%		5,7%	100,5%	
5	Tỷ lệ cổ tức	5%	≥6%	5%	100,0%	

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT TẬP ĐOÀN:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	So sánh
1	Tổng doanh thu	15.864,3	16.029,2	101,0%
2	Tổng chi phí	15.218,3	15.345,7	100,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	645,9	683,5	105,8%
4	Tỷ suất LNTT/ VCSH	8,8%	9,0%	102,4%

4.3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính của Tập đoàn trong năm 2016 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	So sánh
I. Chỉ tiêu thanh khoản			
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,39	1,34	96,5%
2. Hệ số thanh toán nhanh	0,94	0,88	93,2%
II. Chỉ tiêu hoạt động			
1. Hiệu suất sử dụng tài sản	0,81	0,78	96,7%
2. Hệ số luân chuyển hàng tồn kho	4,4	4,3	97,3%
3. Hệ số luân chuyển các khoản phải thu	3,89	3,92	100,8%
4. Vòng quay Vốn lưu động	1,6	1,7	105,1%
III. Khả năng tự chủ tài chính			
1. Hệ số nợ phải trả / Tổng tài sản	0,61	0,62	101,2%
2. Hệ số Nợ ngắn hạn / Vốn chủ sở hữu	0,94	0,91	97,0%
3. Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	1,57	1,61	102,9%
IV. Hệ số khả năng sinh lời			
1. ROA	2,91%	2,93%	100,6%
2. ROE	7,93%	7,79%	98,3%

4.4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Năm 2016, toàn Tập đoàn triển khai thực hiện 57 dự án đầu tư (do công ty mẹ và các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư) bao gồm các dự án chuyển tiếp từ 2015 và khởi công mới trong năm 2016.

Tổng mức đầu tư (TMĐT) toàn Tập đoàn

6.929,3
tỷ đồng

Lĩnh vực Sợi có 10 dự án

 **2.073** tỷ đồng

Lĩnh vực Dệt nhuộm có 9 dự án

 **1.399,5** tỷ đồng

Lĩnh vực May có 13 dự án

 **1.225,8** tỷ đồng

Lĩnh vực nâng cấp, sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị có 7 dự án

277,2 tỷ đồng

Tổng mức đầu tư (TMĐT) toàn Tập đoàn là 6.929,3 tỷ đồng. Trong đó, chia làm 5 lĩnh vực đầu tư:

- Lĩnh vực Sợi có 10 dự án với TMĐT là 2.073 tỷ đồng;

- Lĩnh vực Dệt nhuộm có 9 dự án với tổng mức đầu tư là 1.399,5 đồng;

- Lĩnh vực May có 13 dự án với tổng mức đầu tư là 1.225,8 tỷ đồng;

- Lĩnh vực nâng cấp, sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị có 7 dự án với tổng mức đầu tư là 277,2 tỷ đồng;

- Lĩnh vực di dời có 1 dự án là di dời Tổng Công ty Dệt May Nam Định với tổng mức đầu tư là 711,6 tỷ đồng thực hiện theo Quyết định số 5161/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công Thương;

- Lĩnh vực Khác (xây dựng, nâng cấp văn phòng, nhà xưởng; xử lý nước thải; các dự án khởi viện trường...) có 18 dự án với tổng mức đầu tư là 1.242,2 tỷ đồng.

Số lượng các dự án toàn Tập đoàn thực hiện chia theo nhóm:

- Không có dự án nào thuộc nhóm A (Tổng mức đầu tư trên 1000 tỷ đồng);

- 28 dự án nhóm B (Tổng mức đầu tư trên 60 tỷ và nhỏ hơn 1000 tỷ đồng) trong đó có 14 DA chuyển tiếp; 12 DA hoàn thành; 2 DA khởi công mới;

- 29 dự án nhóm C (Tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng) trong đó có 6 DA chuyển tiếp; 11 DA hoàn thành; 12 DA khởi công mới;

Kế hoạch giải ngân năm 2016 của toàn Tập đoàn là 2.966,2 tỷ đồng, ước thực hiện giải ngân năm 2016 là 2.360,5 tỷ đồng (đạt 80%/ KH)

Năng lực SX tăng thêm do đầu tư năm 2016 của toàn Tập đoàn như sau:

- Sợi: tăng **5.409** tấn sợi (*chi số bq Ne30*)

- Vải dệt kim: tăng **89** tấn

- Vải dệt thoi: tăng **781** ngàn mét vuông

- May: tăng **12,7** triệu sản phẩm



4.4.1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN DO CÔNG TY MẸ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ:

Năm 2016, công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam làm chủ đầu tư đã triển khai thực hiện 08 dự án đầu tư bao gồm các dự án chuyển tiếp từ năm 2015 và khởi công mới, đã đưa vào vận hành sản xuất 07 dự án.

Các dự án hoàn thành và đưa vào vận hành sản xuất:

DA Nhà máy Sợi Nam Định

được đặt tại Khu CN Hòa Xá, Nam Định với qui mô 2,1 vạn cọc, sản lượng thiết kế là 4.770 tấn sợi/năm, tổng mức đầu tư 303,2 tỷ đồng, với qui mô 240 lao động. Dự án đã hoàn thành và đưa vào sản xuất chính thức cuối tháng 6/2016.

DA Nhà máy May Cần Thơ

được đặt tại huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ với qui mô 29 chuyên may, sản lượng thiết kế 6,5 triệu sản phẩm/năm, tổng mức đầu tư 111,5 tỷ đồng, với qui mô 1.500 lao động, vận hành sản xuất từ tháng 04/2016.

DA Nhà máy May Quảng Bình

được đặt tại Khu CN Cam Liên, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình với qui mô 20 chuyên may, sản lượng thiết kế là 3,6 triệu sản phẩm/năm, tổng mức đầu tư 118,5 tỷ đồng, với qui mô 800 lao động, đã hoàn thành, bàn giao đưa vào vận hành sản xuất từ tháng 6/2016.



DA Nhà máy May Tuyên Quang được đặt tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang với qui mô 14 chuyên may veston, sản lượng thiết kế 2,7 triệu sản phẩm/năm, tổng mức đầu tư 202,9 tỷ đồng, với qui mô 1218 lao động, đã hoàn thành và đưa vào khai thác vận hành sản xuất từ giữa tháng 10/2016.

DA Nhà máy Sợi Phú Cường

được đặt tại Cụm CN Phú Cường, huyện Định Xá, tỉnh Đồng Nai với qui mô 2,1 vạn cọc, sản lượng thiết kế là 4.777 tấn sợi/năm, tổng mức đầu tư 285,5 tỷ đồng, với qui mô 200 lao động, Dự án đã hoàn thành và đưa vào sản xuất chính thức từ tháng 9/2016.

DA Nhà máy May Bạc Liêu

được đặt tại Khu CN Trà Kha, Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu với qui mô 25 chuyên may, sản lượng thiết kế là 6 triệu sản phẩm/năm, tổng mức đầu tư 107,5 tỷ đồng, với qui mô 1400 lao động, đã hoàn thành và đưa vào vận hành sản xuất từ tháng 6/2016.

DA NM SX Vải Yarndyed phía Nam

được đặt tại Khu CN Xuyên Á, tỉnh Long An với sản lượng thiết kế là 10 triệu mét vuông/năm, tổng mức đầu tư 403 tỷ đồng, với qui mô 270 lao động, đã hoàn thành & đưa vào vận hành sản xuất từ tháng 12/2015.

Các dự án đang triển khai thực hiện:

- **DA Nhà máy May Quế Sơn** đặt tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam với qui mô 20 chuyên may, sản lượng thiết kế 7,4 triệu sản phẩm/năm, tổng mức đầu tư 134,4 tỷ đồng, với qui mô 1.200 lao động, đang trong giai đoạn hoàn thiện dự án. Đây là dự án đầu tiên được định hướng từ thiết kế, xây dựng và vận hành theo hướng sử dụng tài nguyên hiệu quả, đảm bảo tiện nghi cho người sử dụng, giảm tác động đến môi trường đáp ứng yêu cầu Chứng nhận công trình xanh LEED của Hội đồng Công trình xanh Hoa Kỳ (USGBC). Dự kiến sẽ vận hành khai thác từ tháng 6/2017.

4.4.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN CỦA MỘT SỐ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN:

CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỆT KIM ĐÔNG XUÂN

Dự án Đầu tư xây dựng Xí nghiệp may số 2 thuộc dự án Nhà máy May sản phẩm dệt kim chất lượng cao đặt tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên với qui mô 10,6 triệu sản phẩm/năm. Dự án đã hoàn thành trong tháng 12/2016.

Dự án Đầu tư nhà máy sản xuất vải dệt kim công suất 3000 tấn vải /năm tại khu công nghiệp phố nổi B - Hưng Yên chia làm 2 giai đoạn, mỗi giai đoạn công suất 1500 tấn vải/ năm. Dự án đang trong quá trình thực hiện và dự kiến Q4/2017 hoàn thành.

Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải công suất 1800m3/ngày đêm tại 524 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội. Dự kiến Q2/2017 hoàn thành dự án.

Dự án Đầu tư bổ sung 02 máy dệt kim chất lượng cao, đường kính Ø 30 cấp kim 28 tại địa điểm 524 Minh Khai, HN. Tháng 3/2017 dự án chính thức đi vào hoạt động sản xuất.

CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỆT 8/3

Dự án đầu tư NM kéo sợi 2 vạn cọc tại Yên Mỹ, Hưng Yên với tổng mức đầu tư 218,9 tỷ đã đi vào vận hành và sản xuất ổn định được 1 năm, đang tiến hành quyết toán DA.

CÁC DỰ ÁN CỦA TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HÒA THỌ

Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Sợi tại Thăng Bình, Quảng Nam với tổng mức đầu tư 305 tỷ đồng. Giai đoạn 1 đã hoàn thiện và đi vào hoạt động chính thức từ tháng 1/2017, công suất thiết kế là 14.400 cọc sợi, sản lượng thiết kế là 3.000 tấn/năm.

Dự án xây dựng mở rộng nhà máy may tại Điện Bàn, Quảng Nam với tổng mức đầu tư 52,2 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động chính thức từ tháng 9/2016.

Dự án đầu tư xây dựng xưởng may thời trang với tổng mức đầu tư 28,6 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động chính thức từ tháng 6/2016.

CÁC DỰ ÁN CỦA TCT CP DỆT MAY HÀ NỘI

Dự án đầu tư NM Sợi Đồng Văn 1 tại Khu CN Đồng Văn 2, tỉnh Hà Nam với qui mô 3 vạn cọc sợi, công suất thiết kế 5500 tấn sợi/ năm. Dự án đã đưa vào vận hành SX từ tháng 1/2017.

Dự án đầu tư NM May Dệt kim Nam Đàn - NM May số 2 tại huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, qui mô 28 chuyên may, công suất thiết kế 5,4 triệu sản phẩm/ năm. Đã hoàn thành, đưa vào hoạt động sản xuất từ tháng 4/2016.

CÁC DỰ ÁN CỦA TỔNG CÔNG TY CP PHONG PHÚ

Dự án đầu tư nhà máy Dệt vải Denim tại Nha Trang với tổng mức đầu tư 698 tỷ đồng. Dự án vận hành thử đồng bộ dây chuyền vào tháng 4/2017.

- Dự án đầu tư 5 máy Dệt khí với tổng mức đầu tư 12,2 tỷ đồng đã hoàn thành tháng 6/2016.

Dự án đầu tư 27 máy Dệt khăn với tổng mức đầu tư 72,6 tỷ đồng đang chạy thử máy và nghiệm thu vào tháng 4/2017.

CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ

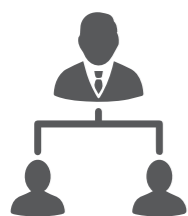
Dự án đầu tư bổ sung nâng cấp thiết bị NM sợi năm 2015 với tổng mức đầu tư 122 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động chính thức từ tháng 6/2016.

Dự án đầu tư mở rộng và bổ sung thiết bị nhà máy Dệt nhuộm năm 2016 với tổng mức đầu tư 38,5 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành vào tháng 11/2016.



4.5. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

4.5.1. CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU, QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

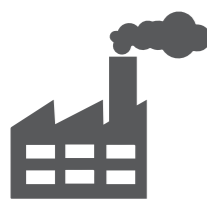


Nhằm kiện toàn bộ máy tổ chức, tăng cường năng lực quản lý toàn Tập đoàn về quản trị tài chính - đầu tư - rủi ro và kiểm soát, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân sự của Tập đoàn, ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành... năm 2016 Tập đoàn đã phối hợp với Công ty TNHH E&Y Việt Nam để triển khai dự án "Tư vấn nâng cao năng lực quản lý và quản trị doanh nghiệp".

Các mục tiêu cụ thể của dự án gồm: (1) xác nhận, rà soát và cập nhật kế hoạch chiến lược của Tập đoàn, (2) hoàn thiện mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức, (3) hoàn thiện mô hình quản trị tài chính, chuẩn hóa cơ cấu tổ chức và các quy chế quản trị tài chính, (4) phát triển hệ thống công cụ hỗ trợ quản trị tài chính và hiệu quả hoạt động, (5) phát triển và hoàn thiện chức năng kiểm toán, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, (6) đánh giá nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao năng lực nhân sự.

Dự án được khởi động từ tháng 08/2016 và trong năm 2016 dự án đã hoàn thành giai đoạn khởi động, bắt đầu đi vào khảo sát, đánh giá hiện trạng công tác quản lý và quản trị tại Tập đoàn.

4.5.2. QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH



Theo định hướng tập trung cho ngành nghề cốt lõi, trong năm 2016 Tập đoàn tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các đơn vị ngoài ngành, đơn vị nhỏ, kinh doanh không hiệu quả; tổ chức sắp xếp các đơn vị thành viên,

các dự án đầu tư mới theo chuỗi cung ứng dệt may nhằm từng bước dịch chuyển phương thức sản xuất từ CM lên FOB và ODM.

Cử đội ngũ nhân sự chủ chốt, chịu trách nhiệm vận hành các nhà máy mới đầu tư tham gia vào dự án ngay từ đầu và tiến hành thành lập chi nhánh để tổ chức sản xuất kinh doanh bám sát theo chỉ đạo của Công ty mẹ Tập đoàn.

Chỉ đạo các đơn vị thành viên là công ty đại chúng đẩy nhanh tiến độ đưa cổ phiếu lên giao dịch trên thị trường chứng khoán nhằm công khai, minh bạch thông tin về hoạt động, từng bước hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp.

4.5.3. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH



Tập đoàn và Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đang triển khai xây dựng một mô hình chức năng tài chính hiện đại, hiệu quả, vận hành an toàn, minh bạch và đạt yêu cầu của công ty niêm yết, cụ thể:

- Chuyển đổi theo hướng hỗ trợ và trực tiếp tham gia trong quá trình ra các quyết định kinh doanh bằng việc dựa trên các cơ sở dữ liệu nguồn lực hiện có, các định mức và giả định nhằm đưa ra các kịch bản cho các phương án kinh doanh;

- Xây dựng một môi trường tài chính bằng việc không ngừng liên kết hoạt động tài chính trong toàn tập đoàn hợp tác với các định chế tài chính, tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để thu hút các nguồn vốn cho việc đầu tư và đầu tư phát triển;

- Tiến tới chuyên môn hoá các trung tâm dịch vụ chia sẻ trong Tập đoàn để đảm bảo tính đồng nhất, nhất quán nhằm xây dựng một cơ sở dữ liệu phân tích tin cậy trong quá trình ra quyết định đảm bảo tốc độ và độ chính xác cao.

Với mục tiêu đó, Tập đoàn và đơn vị tư vấn đang dần hoàn thiện: (1) mô hình chức năng tài chính; (2) các phương án tối ưu nhằm tăng cường giám sát hoạt động tài chính toàn bộ Tập đoàn; (3) cấm nạng và các quy trình nghiệp vụ; (4) các phương án tối ưu hóa dòng tiền của toàn Tập đoàn.

4.5.4. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC



Trọng tâm của quản trị nguồn nhân lực trong năm 2016 là công tác chuẩn bị nhân sự cho giai đoạn vận hành thương mại các dự án đầu tư của công ty mẹ Tập đoàn. Cụ thể trong năm 2016, Công ty mẹ Tập đoàn đã tuyển dụng và đào tạo 2.595 lao động trong đó có 1.853 công nhân, 662 quản lý sản xuất, 80 cán bộ chuyên môn. Chất lượng tuyển dụng - đào tạo tại các dự án được thực hiện bài bản và có kết quả tốt hơn so với giai đoạn 2014 - 2015.

Tuy nhiên, việc chuẩn bị nhân sự cho các nhà máy cũng gặp nhiều khó khăn. Các dự án tại địa phương có cạnh tranh lao động cao (Sợi Nam Định), khó tuyển dụng do cung lao động thấp, lao động nhà máy sợi phải làm việc 3 ca nên không tạo được sức hấp dẫn đối với lao động. Các dự án đầu tư tại các vùng xa, cung lao động dồi dào hơn, tuy nhiên ý thức, thái độ, tác phong của lao động còn rất kém. Theo đó, ngoài đào tạo tay nghề cho lao động, Tập đoàn cũng rất chú trọng đến việc đào tạo, uốn nắn ý thức, đạo đức và kỷ luật lao động; cải thiện môi trường cảnh quan, điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động.

4.5.5. QUẢN TRỊ RỦI RO



Quan điểm quản trị rủi ro

Ngay từ khi Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Hội đồng Quản trị và Cơ quan điều hành đã thống nhất quan điểm:

- Luôn coi công tác quản trị rủi ro là trọng tâm, là yếu tố cung cấp sự đảm bảo hợp lý cho việc thực hiện

các mục tiêu của Tập đoàn.

- Quản trị rủi ro không phải là giảm thiểu rủi ro mà cần phân

tích đầy đủ rủi ro, tối ưu hóa tương quan giữa rủi ro và cơ hội, phải biết chấp nhận rủi ro ở mức độ hợp lý (trong giới hạn cho phép của Tập đoàn).

- Quản trị rủi ro chỉ mang lại hiệu quả khi nó được thực thi xuyên suốt ở tất cả các lĩnh vực, ở tất cả các cấp độ nhân viên và phải được thực hiện bởi những nhân sự có chuyên môn, được hỗ trợ về phương pháp, kỹ thuật nhận diện, đánh giá rủi ro đa dạng và phù hợp với từng lĩnh vực khác nhau.

- Quản trị rủi ro phải luôn được cải tiến liên tục, đáp ứng được các yêu cầu của các chuẩn mực liên quan, luôn phù hợp và đáp ứng mọi thay đổi mà Tập đoàn phải đối mặt.

Phương hướng hoàn thiện quản trị rủi ro

Đối với quản trị rủi ro, Tập đoàn sẽ luôn cải tiến liên tục nhằm theo kịp các phương pháp tiếp cận tiên tiến của các doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực và thế giới, phát huy sự phù hợp của hệ thống và tích hợp chúng vào hệ thống của Tập đoàn. Theo đó, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đang hỗ trợ Tập đoàn rà soát, cải tiến và triển khai khung quản trị rủi ro doanh nghiệp tại Công ty mẹ Tập đoàn, bao gồm các quy định về cơ cấu giám sát và quản trị rủi ro; vai trò của các bên liên quan trong quy trình quản trị rủi ro; quy trình xác định, đánh giá, báo cáo và quản lý các rủi ro; các tiêu chí và mẫu biểu tiêu chuẩn để xác định, đánh giá, báo cáo và quản lý rủi ro, danh mục các rủi ro chính.

4

IV. QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ

1. Cơ cấu cổ đông
2. Thông tin cổ đông lớn
3. Quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư

Thông tin chi tiết về cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tính theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/12/2016 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp như sau:

1. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Bộ Công thương	267.438.100	53,488%	1
2	Cổ đông chiến lược - Công ty CP Tập đoàn ĐTPPT Việt Nam	70.000.000	14,000%	1
3	Cổ đông chiến lược - Tập đoàn VINGROUP - Công ty CP	50.000.000	10,000%	1
4	Cổ đông là cá nhân trong nước	51.495.990	10,299%	1.449
5	Cổ đông là tổ chức trong nước	6.027.600	1,206%	3
6	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	38.310	0,008%	20
7	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	55.000.000	11,000%	12
Tổng		500.000.000	100.000%	1.487

2. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bộ Công thương	Số 54 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	267.438.100	53,49%
2	Công ty CP Tập đoàn ĐTPPT Việt Nam	Số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	70.000.000	14,00%
3	Tập đoàn VINGROUP - Công ty CP	Số 7, đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội	50.000.000	10,00%
4	Bùi Mạnh Hưng	Số 8/98 Đinh Bộ Lĩnh, P24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	30.000.000	6,00%
Tổng			417.438.100	83,49%

3. QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và chính thức đưa 500 triệu cổ phiếu của Tập đoàn chào sàn UPCoM vào ngày 03/01/2017 với mã chứng khoán VGT và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 13.500 đồng/cổ phiếu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam luôn duy trì việc giải đáp thắc mắc, cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư, chuyên gia phân tích và các bên liên quan để bảo đảm tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng. Tập đoàn cam kết công bố và minh bạch hóa thông tin, cung cấp cho cổ đông và nhà đầu tư các thông tin kịp thời, chính xác về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn theo đúng Quy chế công bố thông tin

đã ban hành. Theo tiêu chí này, các thông tin, báo cáo của Tập đoàn thường xuyên được cập nhật trên website chính thức của Tập đoàn, cổ đông và nhà đầu tư đều có thể xem thông tin và tải các báo cáo trên chuyên mục Quan hệ cổ đông (dành cho nhà đầu tư) của Tập đoàn từ website: www.vinatex.com.vn. Bộ phận Quan hệ cổ đông của Tập đoàn sẽ tiếp tục phát huy các hoạt động của mình trong tương lai để làm tốt việc tiếp nhận, phản hồi và cung cấp thông tin trên cơ sở các quy định của Nhà nước về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán.

Quý vị cổ đông, nhà đầu tư có thể liên lạc với chúng tôi qua địa chỉ email: qhcd@vinatex.com.vn



V. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Chính sách liên quan đến người lao động
2. Môi trường và năng lượng
3. Hoạt động cộng đồng

1. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

1.1. SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2016



Số lượng lao động:

85.979 người



Thu nhập bình quân:

6,69 triệu đồng/người/tháng

1.2. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đảm bảo sức khỏe, an toàn lao động

Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị thành viên tuân thủ các quy định của Nhà nước về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi. Khi có yêu cầu để bảo đảm tiến độ, chất lượng cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, Tập đoàn và các đơn vị thành viên tổ chức cho CBCNV làm thêm giờ theo quy định pháp luật và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

CBCNV được hưởng chế độ nghỉ Lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo đúng quy định của Bộ Luật lao động hiện hành.

Hàng năm, các cán bộ nhân viên trong Tập đoàn được kiểm tra sức khỏe định kỳ, khám bệnh và điều trị bệnh nghề nghiệp, thai sản, bệnh phụ nữ... Nhiều đơn vị đã mời bác sỹ tư vấn đến nói chuyện, tư vấn chăm sóc sức khỏe, công tác kế hoạch hóa gia đình... cho cán bộ nhân viên.

CBCNV trong Tập đoàn được trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc, bảo hộ lao động theo yêu cầu của mỗi vị trí công việc.

Chính sách phúc lợi

Thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp cho CBCNV theo đúng Quy định của Nhà nước.

Ngoài tiền lương, tùy theo từng vị trí công việc, Tập đoàn và các đơn vị có các chế độ phụ cấp: điện thoại, xăng xe, xe đưa đón, ăn trưa, nhà ở... Hầu hết các nhà máy của các đơn vị thuộc Tập đoàn tổ chức xây dựng nhà ăn và tự tổ chức nấu ăn phục vụ ăn ca cho cán bộ công nhân viên.

Đối với các cán bộ công nhân viên chưa có nhà ở, nhiều đơn vị tự xây dựng các khu nhà để cho cán bộ nhân viên thuê với giá rẻ hoặc hỗ trợ bằng tiền để các cán bộ nhân viên tự thuê nhà.

Hàng năm, Tập đoàn và các đơn vị đều tổ chức cho CBCNV đi thăm quan, nghỉ mát; Tổ chức thăm hỏi, trợ cấp cho cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn hoặc ốm đau phải điều trị dài ngày; Tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi - con CBCNV nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu, đồng thời tuyên dương các cháu có thành tích cao trong học tập.

1.3. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tập đoàn và các đơn vị đặc biệt coi trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Ngoài việc các đơn vị tự tổ chức đào tạo, Ban Quản lý Nguồn nhân lực của Tập đoàn đã phối hợp với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu của Tập đoàn gồm Trung tâm Đào tạo cán bộ quản lý doanh nghiệp dệt may, Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Nam Định, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vinatex TP. Hồ Chí Minh, Viện Dệt May để tổ chức nhiều khóa đào tạo cho cán bộ quản lý cấp cao, cán bộ quản lý cấp trung, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ nhu cầu nhân lực cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn.

Nhiều chương trình, khóa đào tạo đã được Tập đoàn và các đơn vị triển khai như các chương trình đào tạo bắt buộc cho nhân viên mới (Đào tạo hội nhập, đào tạo nghề cho nhân viên mới; Kiến thức chung về sản phẩm, dịch vụ; Quy trình làm việc theo ngành nghề; Kỹ năng bắt buộc theo từng ngành nghề; Các quy định chung về Nội quy lao động; Quy định về an toàn vệ sinh lao động...); Các chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật - công nghệ, kỹ năng mềm; Các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý.



2. MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Tập đoàn và các đơn vị thành viên luôn quan tâm, chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Chủ động ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng thông qua các chương trình công tác cụ thể:

- Xây dựng, triển khai kế hoạch hành động về môi trường và trách nhiệm xã hội (ESMS) tới các công ty con. Thường xuyên việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các đơn vị.

- Tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề cho cán bộ kỹ thuật phụ trách môi trường, tiết kiệm năng lượng tại các đơn vị thành viên. Tuyên truyền đến từng đơn vị, từng CBCNV việc bảo vệ môi trường trong sản xuất nói riêng và môi trường sống nói chung.

- Ứng dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và chương trình tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động, định kỳ tiến hành kiểm toán năng lượng theo quy định.

- Các nhà máy mới đầu tư được thiết kế theo chuẩn LEED.

- Chuẩn bị đầu tư 1 phần năng lượng mặt trời cho các dự án.

Theo đó, môi trường làm việc luôn đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ. Môi trường cảnh quan công nghiệp luôn được đầu tư chăm sóc đảm bảo sạch đẹp. Các cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm của Tập đoàn đều tiến hành kiểm toán năng lượng theo đúng quy định. Các dự án đầu tư mới luôn ưu tiên sử dụng thiết bị công nghệ thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng...

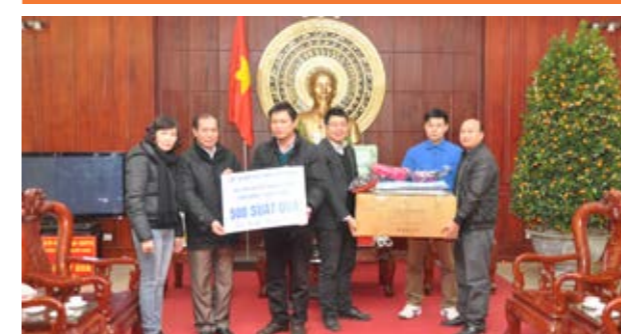


3. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Tập đoàn và các đơn vị thành viên luôn quan tâm, chú trọng đến việc chia sẻ trách nhiệm xã hội với cộng đồng, giúp đỡ những người có hoàn cảnh kém may mắn:

3.1 Tặng quà Tết cho dân nghèo huyện Sơn Động

Vào dịp tết nguyên đán, đoàn công tác của Vinatex đã vượt hàng trăm cây số trong giá rét để đến tận nơi tặng 600 suất quà cho nhân dân huyện Sơn Động gồm áo khoác, chăn chiên, khăn các loại với tổng trị giá gần 200 triệu đồng.



3.2 Ủng hộ đồng bào vùng lũ miền Trung

Phát huy truyền thống tương thân tương ái, kịp thời chia sẻ khó khăn với đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ tại miền Trung, Vinatex đã trực tiếp thăm hỏi, nhường cơm sẻ áo, ủng hộ công nhân tại các nhà máy dệt may và đồng bào các tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình bị ảnh hưởng bởi lũ lụt 1.125 triệu đồng.



3.3. Tổ chức Ngày hội hiến máu nhân đạo "Giọt hồng yêu thương".

Hưởng ứng chương trình "Hành trình đở" của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã phối hợp với Trung tâm truyền máu bệnh viện Chợ Rẫy tổ chức Ngày hội hiến máu nhân đạo "Giọt hồng yêu thương" - một hoạt động thiết thực, ý nghĩa và mang tính nhân văn sâu sắc.



VI. BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Bảng CĐKT, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh BCTC)

Tập đoàn Dệt May Việt Nam Thông tin về Tập đoàn

Giấy chứng nhận

Đăng ký doanh nghiệp số 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản Trị

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

Cơ Quan Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Nguyên Tiến	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 18/7/2016)
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuấn	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 91 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc

Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 4 năm 2017, được trình bày từ trang 7 đến trang 91.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của ngoại trừ chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 312 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 152 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty TNHH Coats Phong Phú là 160 tỷ VND (2015: 77 tỷ VND), đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày. Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Coats Phong Phú. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu này hay không nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 2(a), 3(b) và 3(d)(iv) của báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại các thuyết minh này.

- Thuyết minh 24(a) của báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 364.061 triệu VND (1/1/2016: 369.532 triệu VND). Cũng theo Công văn số 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Các vấn đề nhấn mạnh này không liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 16-02-148



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0306-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.232.272.849.491	9.533.187.544.686
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.496.458.060.972	2.472.432.913.255
Tiền	111		432.381.528.676	590.333.971.499
Các khoản tương đương tiền	112		1.064.076.532.296	1.882.098.941.756
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		952.742.245.703	301.120.832.500
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	74.767.938.000	60.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	877.974.307.703	301.060.832.500
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.214.916.530.328	3.282.048.883.299
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.233.797.278.820	2.238.223.471.110
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		438.017.367.291	433.645.958.970
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	178.039.342.156	201.879.168.302
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	736.642.535.818	733.613.795.186
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(372.376.455.800)	(325.943.716.677)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		796.462.043	630.206.408
Hàng tồn kho	140	12	3.206.970.570.062	3.094.832.003.113
Hàng tồn kho	141		3.286.587.250.440	3.135.490.659.764
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(79.616.680.378)	(40.658.656.651)
Tài sản ngắn hạn khác	150		361.185.442.426	382.752.912.519
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	22.951.998.731	22.994.230.608
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		303.657.389.304	345.073.774.304
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	34.533.164.391	14.379.634.977
Tài sản ngắn hạn khác	155		42.890.000	305.272.630

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.562.150.445.970	9.270.878.963.091
Các khoản phải thu dài hạn	210		816.148.711.068	585.474.923.940
Phải thu về cho vay dài hạn	215		8.779.800.000	6.859.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	926.691.505.864	578.615.923.940
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(119.322.594.796)	-
Tài sản cố định	220		5.920.080.043.826	4.726.268.318.378
Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.717.940.489.530	4.547.292.417.355
Nguyên giá	222		11.057.270.172.417	9.524.976.809.545
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.339.329.682.887)	(4.977.684.392.190)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	66.701.591.216	63.085.606.759
Nguyên giá	225		92.266.466.013	77.869.150.876
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(25.564.874.797)	(14.783.544.117)
Tài sản cố định vô hình	227	15	135.437.963.080	115.890.294.264
Nguyên giá	228		163.437.173.507	139.714.166.423
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.999.210.427)	(23.823.872.159)
Bất động sản đầu tư	230	16	101.577.232.243	130.685.476.898
Nguyên giá	231		125.681.566.539	148.958.992.347
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.104.334.296)	(18.273.515.449)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.132.142.569.223	1.326.835.437.886
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	1.132.142.569.223	1.326.835.437.886
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.078.912.289.673	1.993.460.437.532
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(c)	1.850.568.941.017	1.648.681.034.451
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	243.768.742.829	371.556.535.617
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(15.430.394.173)	(26.782.132.536)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	5.000.000	5.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		513.289.599.937	508.154.368.457
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	474.443.631.662	461.209.582.886
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	7.707.701.095	12.818.658.533
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	869.753.783
Lợi thế thương mại	269	20	30.556.908.247	33.256.373.255
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		19.794.423.295.461	18.804.066.507.777

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.199.952.761.421	11.456.227.312.864
Nợ ngắn hạn	310		6.882.415.310.550	6.856.189.696.058
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.271.169.240.648	1.203.491.557.996
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		88.424.737.403	83.310.603.078
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	93.848.959.150	105.700.117.873
Phải trả người lao động	314		486.933.807.748	561.035.504.008
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	175.649.205.078	188.889.816.832
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		818.362.962	6.833.858.515
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	604.454.028.623	684.215.591.558
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26(a)	4.021.595.561.126	3.884.716.676.655
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	27	-	4.717.381.547
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	139.521.407.812	133.278.587.996
Nợ dài hạn	330		5.317.537.450.871	4.600.037.616.806
Phải trả người bán dài hạn	331	21	15.920.738.161	21.780.241.292
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		22.844.764.105	23.501.600.000
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	26.562.816.000	28.794.411.822
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	140.636.004.076	85.619.062.376
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	138.799.092.807	55.439.098.840
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26(b)	4.818.025.937.605	4.221.370.382.990
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	64.896.986.719	46.007.444.456
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	89.675.918.318	117.290.115.751
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		175.193.080	235.259.279

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	29	7.594.470.534.040	7.347.839.194.913
Vốn chủ sở hữu	410		7.559.178.352.429	7.306.410.571.478
Vốn cổ phần	411	30	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.248.630.739	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(742.835.089.736)	(748.765.581.042)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	457.818.876.459	421.021.002.398
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.981.645.059	10.944.352.367
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		555.190.797.152	571.099.479.985
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		230.356.822.217	147.491.675.907
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		324.833.974.935	423.607.804.078
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	33	553.877.792.360	497.352.336.562
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.651.984.049.504	1.482.598.699.577
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		35.292.181.611	41.428.623.435
Nguồn kinh phí	431		553.206.786	3.004.072.271
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		34.738.974.825	38.424.551.164
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		19.794.423.295.461	18.804.066.507.777

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	15.486.320.109.641	15.205.947.291.776
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	24.799.294.989	22.100.729.500
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	35	15.461.520.814.652	15.183.846.562.276
Giá vốn hàng bán	11	36	13.757.366.211.159	13.299.234.243.354
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.704.154.603.493	1.884.612.318.922
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	339.153.140.130	442.313.467.907
Chi phí tài chính	22	38	486.708.411.396	688.664.328.894
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		333.839.233.856	354.284.173.973
Phần lãi trong công ty liên kết	24		506.863.393.007	498.259.938.877
Chi phí bán hàng	25	39	492.057.897.689	561.711.536.516
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	1.023.404.836.216	980.626.161.554
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		547.999.991.329	594.183.698.742
Thu nhập khác	31	41	203.776.358.682	215.996.634.857
Chi phí khác	32	42	68.275.657.378	164.259.156.415
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		135.500.701.304	51.737.478.442
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		683.500.692.633	645.921.177.184
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	80.177.835.872	68.488.725.641
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	44	24.000.499.701	30.545.170.555
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		579.322.357.060	546.887.280.988

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		579.322.357.060	546.887.280.988
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		324.833.974.935	389.797.849.246
Cổ đông không kiểm soát	62		254.488.382.125	157.089.431.742
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	45	650	780

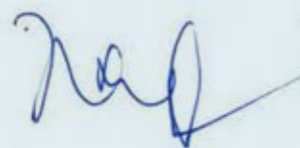
Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		683.500.692.633	645.921.177.184
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		641.193.318.038	585.663.173.305
Các khoản dự phòng	03		170.894.626.686	142.437.387.116
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		46.747.397.531	56.008.761.043
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(782.882.495.085)	(725.593.824.363)
Chi phí lãi vay	06		333.839.233.856	354.284.173.973
Nợ phải trả được điều chỉnh giảm	07		-	(11.516.222.447)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.093.292.773.659	1.047.204.625.811
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác				
Biến động hàng tồn kho	09		(328.475.608.151)	(652.187.055.984)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	10		(214.336.914.153)	(197.771.299.583)
Biến động chi phí trả trước	11		191.155.368.364	495.758.857.325
Biến động chứng khoán kinh doanh	12		(2.797.149.589)	(85.430.154.028)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		60.000.000	22.102.232.451
			738.898.470.130	629.677.205.992
Tiền lãi vay đã trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(300.611.806.591)	(369.529.385.299)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(68.682.102.247)	(60.637.314.396)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		79.939.016.011	521.621.957.265
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(86.419.815.739)	(474.794.857.961)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		363.123.761.564	246.337.605.601

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.950.089.480.586)	(2.173.129.146.245)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		126.789.470.063	141.880.259.148
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(898.553.317.359)	(489.739.179.478)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		343.558.868.302	320.808.174.789
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(67.927.335.542)	(76.330.416.254)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		163.902.811.549	114.742.940.194
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		429.142.754.368	456.581.778.927
Ảnh hưởng thuần của việc thanh lý công ty con và hợp nhất công ty con mới trong năm	5		(116.831.226.727)	277.032.580.846
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.970.007.455.932)	(1.428.153.008.073)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		65.779.619.792	40.021.764.691
Tiền thu từ đi vay	33		14.562.238.424.160	15.331.394.255.786
Tiền trả nợ gốc vay	34		(13.594.453.139.645)	(14.153.985.841.920)
Tiền trả cổ tức	36		(402.656.062.222)	(107.901.358.326)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		630.908.842.085	1.109.528.820.231

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(975.974.852.283)	(72.286.582.241)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.472.432.913.255	2.544.719.495.496
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6	1.496.458.060.972	2.472.432.913.255

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Người lập:


Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng


Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại sơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
- Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
- Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
- Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 54 công ty con và 34 công ty liên kết (1/1/2016: 52 công ty con và 37 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	18	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	36	Xem Phụ lục 2
	54	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.	34	Xem Phụ lục 3
	88	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 36.904 nhân viên (1/1/2016: 36.674 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ một số chính sách kế toán được Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong năm 2016 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCĐN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc (i) ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; và (ii) trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính như sau:

- (i) Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2016: Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải phân bổ vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021); và

- (ii) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 thay vì ngày 29 tháng 1 năm 2015, ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu, như theo các quy định hiện hành do theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong những năm sau theo phương pháp đường thẳng nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021). Thay đổi về chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Nếu Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và chi phí tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm và tăng tương ứng là 15.146 triệu VND.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của công ty cổ phần và các đơn vị khác đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán (“đơn vị niêm yết”) được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị thị trường của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập, ngoại trừ trường hợp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành. Thay đổi về chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Nếu Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư như theo quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung Thông tư 228, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và chi phí tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng 26.499 triệu VND.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 10 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 50 năm
▪ hạ tầng khu công nghiệp	4 – 45 năm

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

(vi) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(vii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(viii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngoại trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(ix) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

Trong năm, Cơ quan Tổng Giám đốc đã đánh giá lại những lợi ích mà các khoản đầu tư vào các công ty con trước đây có thể mang lại và quyết định giảm thời gian phân bổ một số khoản lợi thế thương mại từ 10 năm xuống tối đa là 3 năm. Ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính kế toán này đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 là đã làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp và giảm lợi nhuận kế toán trước thuế và sau thuế của Tập đoàn là 19 tỷ VND.

(o) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Trái phiếu phát hành***Trái phiếu thường***

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

(r) Vốn cổ phần***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(s) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(t) Doanh thu và thu nhập khác***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(v) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Trước năm 2016, Tập đoàn ghi nhận doanh thu cho toàn bộ các hợp đồng cho thuê lại đất thuê trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Trong năm 2016, Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu cho thuê lại đất thuê đối với các hợp đồng đủ điều kiện ghi nhận doanh thu một lần theo Thông tư 200. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh hồi tố vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 cho ảnh hưởng của thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu nêu trên. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại được trình bày ở Thuyết minh 49 – Số liệu so sánh.

Theo chính sách kế toán đã được thay đổi, doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại sơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất; và
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2016	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.822.785.442.979	2.288.206.407.653	1.350.528.964.020	-	15.461.520.814.652
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.927.750.522.683	188.308.781.638	58.675.903.151	(3.174.735.207.472)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	14.750.535.965.662	2.476.515.189.291	1.409.204.867.171	(3.174.735.207.472)	15.461.520.814.652
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	506.863.393.007	506.863.393.007
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	616.979.303.217	(71.839.882.746)	63.307.230.338	(60.446.659.480)	547.999.991.329
Thu nhập khác	206.696.859.393	2.611.304.028	1.561.398.959	(7.093.203.698)	203.776.358.682
Chi phí khác	(56.179.343.902)	(11.633.472.651)	(4.977.809.690)	4.514.968.865	(68.275.657.378)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(62.458.736.885)	(471.772.891)	(17.247.326.096)	-	(80.177.835.872)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	1.638.052.138	-	-	(25.638.551.839)	(24.000.499.701)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	706.676.133.961	(81.333.824.260)	42.643.493.511	(88.663.446.152)	579.322.357.060

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2016					
Tài sản của bộ phận	21.189.022.784.889	311.650.238.461	2.677.447.566.562	(6.234.266.235.468)	17.943.854.354.444
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.536.176.143.382	412.560.000	307.875.000	313.672.362.635	1.850.568.941.017
Tổng tài sản	22.725.198.928.271	312.062.798.461	2.677.755.441.562	(5.920.593.872.833)	19.794.423.295.461
Tổng nợ phải trả	13.148.327.345.871	464.991.161.419	1.521.822.896.190	(2.935.188.642.059)	12.199.952.761.421
Năm 2016					
Chi tiêu vốn	1.725.307.884.437	12.011.701.586	280.884.605.755	(68.114.711.192)	1.950.089.480.586
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	559.045.492.972	4.185.251.935	48.117.340.122	(35.958.656.768)	575.389.428.261
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	7.871.890.315	-	-	-	7.871.890.315
Khấu hao tài sản cố định vô hình	4.587.513.047	-	104.866.142	-	4.692.379.189
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.774.399.678	127.523.400	1.726.341.985	-	3.628.265.063

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2015	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND Đã điều chỉnh lại	Loại trừ VND	Hợp nhất VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.710.530.194.468	2.471.890.511.917	1.214.022.091.702	(212.596.235.811)	15.183.846.562.276
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.844.391.021.716	160.360.785.122	97.006.262.396	(3.101.758.069.234)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	14.554.921.216.184	2.632.251.297.039	1.311.028.354.098	(3.314.354.305.045)	15.183.846.562.276
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	498.259.938.877	498.259.938.877
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	634.122.264.539	(50.520.560.239)	(5.566.262.439)	16.148.256.881	594.183.698.742
Thu nhập khác	172.707.425.876	4.433.849.031	166.672.826.486	(127.817.466.536)	215.996.634.857
Chi phí khác	(121.026.312.034)	(2.095.833.527)	(106.488.399.713)	65.351.388.859	(164.259.156.415)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(58.799.101.493)	(1.354.900.157)	(7.181.161.533)	(1.153.562.458)	(68.488.725.641)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	1.838.679.008	-	(3.731.968.166)	(28.651.881.397)	(30.545.170.555)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	628.842.955.896	(49.537.444.892)	43.705.034.635	(76.123.264.651)	546.887.280.988

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND Đã điều chỉnh lại	Loại trừ VND	Hợp nhất VND Đã điều chỉnh lại
Tại ngày 1/1/2016					
Tài sản của bộ phận	17.832.356.096.959	1.012.826.749.528	2.403.807.055.671	(4.093.604.428.832)	17.155.385.473.326
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.544.370.146.634	28.089.720.000	307.875.000	75.913.292.817	1.648.681.034.451
Tổng tài sản	19.376.726.243.593	1.040.916.469.528	2.404.114.930.671	(4.017.691.136.015)	18.804.066.507.777
Tổng nợ phải trả	10.022.097.667.559	1.284.815.706.866	1.796.090.116.611	(1.646.776.178.172)	11.456.227.312.864
Năm 2015					
Chi tiêu vốn	1.968.967.358.069	53.029.326.518	217.198.106.640	(66.065.644.982)	2.173.129.146.245
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	511.728.723.005	12.195.463.001	37.998.513.672	(9.870.426.093)	552.052.273.585
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	7.890.852.739	-	-	-	7.890.852.739
Khấu hao tài sản cố định vô hình	3.505.197.434	75.242.562	2.350.100.396	(2.283.218.434)	3.647.321.958
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.055.630.448	127.523.401	1.861.383.465	-	3.044.537.314

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

Năm 2016	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.492.979.957.335	9.968.540.857.317	15.461.520.814.652
Kết quả kinh doanh của bộ phận	747.378.688.867	956.775.914.626	1.704.154.603.493
Thu nhập không phân bổ			846.016.533.137
Chi phí không phân bổ			(2.002.171.145.301)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			547.999.991.329
Thu nhập khác			203.776.358.682
Chi phí khác			(68.275.657.378)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(104.178.335.573)
Lợi nhuận thuần sau thuế			579.322.357.060
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2016			
Tài sản của bộ phận	867.718.840.314	1.366.078.438.506	2.233.797.278.820
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			17.560.626.016.641
Tổng tài sản			19.794.423.295.461
Nợ phải trả của bộ phận	909.626.183.659	377.463.795.150	1.287.089.978.809
Các khoản nợ không phân bổ			10.912.862.782.612
Tổng nợ phải trả			12.199.952.761.421

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2015	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	6.092.279.245.048	9.091.567.317.228	15.183.846.562.276
Kết quả kinh doanh của bộ phận	839.848.651.068	1.044.763.667.854	1.884.612.318.922
Thu nhập không phân bổ			940.573.406.784
Chi phí không phân bổ			(2.231.002.026.964)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			594.183.698.742
Thu nhập khác			215.996.634.857
Chi phí khác			(164.259.156.415)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(99.033.896.196)
Lợi nhuận thuần sau thuế			546.887.280.988
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2016			
Tài sản của bộ phận	888.684.609.026	1.349.538.862.084	2.238.223.471.110
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			16.565.843.036.667
Tổng tài sản			18.804.066.507.777
Nợ phải trả của bộ phận	781.377.856.573	443.893.942.715	1.225.271.799.288
Các khoản nợ không phân bổ			10.230.955.513.576
Tổng nợ phải trả			11.456.227.312.864

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Hợp nhất kinh doanh

(a) Mất quyền kiểm soát tại các công ty con

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần May Gia Phúc với giá trị ghi sổ là 5,2 tỷ VND cho các cổ đông khác, qua đó, giảm tỷ lệ biểu quyết trong Công ty Cổ phần May Gia Phúc từ 51% xuống còn 25%. Công ty Cổ phần May Gia Phúc trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.

Trong năm, tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú giảm từ 55% xuống còn 43,2% do các cổ đông của công ty con này thay đổi thỏa thuận về tỷ lệ biểu quyết. Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.

Trong năm, một công ty con cấp 2 của Tập đoàn là Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Do Tập đoàn không đầu tư vào các cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này giảm từ 65,5% xuống còn 45,7% và theo đó Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.086.399.057
Các khoản phải thu ngắn hạn	393.604.632.570
Hàng tồn kho	196.073.382.386
Tài sản ngắn hạn khác	92.904.800.120
Các khoản phải thu dài hạn	3.000.000.000
Tài sản cố định	453.651.121.311
Tài sản dở dang dài hạn	4.871.228.260
Đầu tư tài chính dài hạn	47.331.500.000
Tài sản dài hạn khác	22.316.032.164
Nợ ngắn hạn	(777.720.191.131)
Nợ dài hạn	(396.085.607.674)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	97.033.297.063
Ghi giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(59.939.499.541)
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát	37.093.797.522
Lãi do mất quyền kiểm soát tại công ty con	14.109.526.440
Giá thanh lý	51.203.323.962
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 sau khi mất quyền kiểm soát	(46.003.323.962)
Tiền thu được từ thoái vốn	5.200.000.000
Khoản tiền giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(57.086.399.057)
Khoản tiền thuần giảm đi do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(51.886.399.057)

Lãi phát sinh do mất quyền kiểm soát tại các công ty con được hạch toán vào tài khoản doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh 37).

(b) Hợp nhất công ty con mới trong năm

Trong năm, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn là Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần May Hiệp Đức, một công ty liên kết của Tập đoàn trong năm trước, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này từ 37% lên 68,5%. Công ty Cổ phần May Hiệp Đức trở thành công ty con cấp 2 của Tập đoàn.

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã mua thêm 2.790.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn trong năm trước, với giá mua là 69.750 triệu VND, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này từ 40% lên 71%. Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú trở thành công ty con cấp 2 của Tập đoàn.

Các giao dịch này ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày năm quyền kiểm soát với các công ty con nêu trên như sau:

	Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý tại ngày năm quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.805.172.330
Các khoản phải thu ngắn hạn	110.819.273.839
Hàng tồn kho	108.519.089.473
Tài sản ngắn hạn khác	1.084.495.423
Các khoản phải thu dài hạn	162.145.759
Tài sản cố định	184.671.495.381
Tài sản dở dang dài hạn	12.499.147.993
Tài sản dài hạn khác	4.462.229.757
Nợ ngắn hạn	(223.398.531.466)
Nợ dài hạn	(107.288.077.974)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	106.336.440.515
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn tại ngày năm quyền kiểm soát	39.379.505.830
	<hr/>
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tới ngày Tập đoàn năm quyền kiểm soát các công ty này	(42.804.509.933)
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phí khoản đầu tư của công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày năm quyền kiểm soát	59.507.455.683
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con mới (Thuyết minh 20)	23.667.548.420
	<hr/>
Giá mua phần sở hữu tăng thêm	79.750.000.000
	<hr/>
Khoản tiền của công ty được hợp nhất	(14.805.172.330)
	<hr/>
Khoản tiền trả thuần	64.944.827.670

Giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần May Hiệp Đức và Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú xấp xỉ với giá trị ghi sổ tại ngày Tập đoàn năm quyền kiểm soát.

Trong giai đoạn từ ngày mua tới ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần May Hiệp Đức và Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú đã đóng góp lần lượt là 71,2 tỷ VND doanh thu và 10,4 tỷ VND lợi nhuận trước thuế trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn.

(c) Giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến ("VTEC"), một công ty liên kết của Tập đoàn, đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác để tăng vốn điều lệ và qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết này từ 47,88% xuống còn 31,92%.

Giao dịch này ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn như sau:

	VND	VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào VTEC tại ngày Tập đoàn giảm tỷ lệ sở hữu	306.500.406.821	
Giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào VTEC do giảm tỷ lệ sở hữu		(102.166.802.274)
Vốn cổ phần tăng thêm tại VTEC	140.000.000.000	
Tăng giá trị ghi sổ khoản khoản đầu tư vào VTEC từ vốn cổ phần tăng thêm		44.686.400.000
		<hr/>
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại VTEC		(57.480.402.274)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	13.010.408.309	11.013.721.700
Tiền gửi ngân hàng	419.371.120.367	579.320.249.799
Các khoản tương đương tiền	1.064.076.532.296	1.882.098.941.756
	<hr/>	<hr/>
	1.496.458.060.972	2.472.432.913.255

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 47.184 triệu VND (1/1/2016: 68.455 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 24(a)).

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 có 195.918 triệu VND là tiền được Ngân sách Nhà nước giải ngân cho các dự án của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo Quyết định số 992/QĐ-BTC ngày 27 tháng 5 năm 2015.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 115 tỷ VND (1/1/2016: 161 tỷ VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016				1/1/2016			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu								
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	10.995.285	74.767.938.000	48.269.301.150	-	-	-	-	-
Các cổ phiếu khác		-	-	-		60.000.000	(*)	-
		<u>74.767.938.000</u>	<u>48.269.301.150</u>	<u>-</u>		<u>60.000.000</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>

Trong năm, Tập đoàn đã phân loại lại khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân là chứng khoán kinh doanh từ khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do thay đổi mục đích nắm giữ các cổ phiếu này.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính (Thuyết minh 2(a)), Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân do ngân hàng này có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong năm 2016.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	877.974.307.703	877.974.307.703	301.060.832.500	301.060.832.500
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000	(*)	5.000.000	(*)

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 7,2% (2015: 4,8% đến 8,0%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016				1/1/2016			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	35,51%	35,51%	63.035.518.965	(*)	35,51%	35,51%	60.400.264.087	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	31,92%	31,92%	337.701.471.152	(*)	47,88%	47,88%	297.479.100.069	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	180.739.319.036	(*)	46,93%	46,93%	155.577.521.701	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	25.689.104.936	(*)	27,00%	27,00%	25.888.333.803	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	80.331.834.379	(*)	27,69%	27,69%	75.677.889.947	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,79%	36,79%	36.000.844.299	(*)	36,79%	36,79%	28.937.101.395	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	83.176.678.571	(*)	35,01%	35,01%	71.269.066.274	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.438.283.818	(*)	30,00%	30,00%	85.854.704.421	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	13,73%	26,93%	46.379.699.622	(*)	13,73%	26,93%	46.415.883.754	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	-	-	-	-	20,40%	40,00%	38.262.311.562	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	35,65%	311.904.292.245	(*)	18,18%	35,65%	151.764.323.142	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	24,30%	44,02%	142.806.374.535	(*)	24,30%	44,02%	142.806.374.535	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			457.365.519.459	(*)			468.348.159.761	(*)
			1.850.568.941.017				1.648.681.034.451	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2016			1/1/2016						
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
▪ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (**)	-	-	-	-	-	3,65%	3,65%	74.767.938.000	(12.424.672.050)	62.343.265.950
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.029.575.000	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	1.541.452.540
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>										
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam	-	-	-	-	(*)	1,95%	3,83%	53.163.455.345	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác			202.836.627.854	(15.430.394.173)	(*)			202.693.027.297	(14.357.460.486)	(*)
			<u>243.768.742.829</u>	<u>(15.430.394.173)</u>				<u>371.556.535.617</u>	<u>(26.782.132.536)</u>	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 305 tỷ VND (1/1/2016: 93 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn.

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	1.648.681.034.451	1.443.930.552.590
Tăng trong năm	58.911.280.000	40.563.463.012
Tăng do hợp nhất các công ty liên kết mới trong năm	-	307.875.000
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	506.863.393.007	498.259.938.877
Cổ tức được chia	(254.466.174.403)	(290.785.546.816)
Thanh lý các công ty liên kết	(55.260.676.249)	(19.935.420.802)
Giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến giảm (Thuyết minh 5(c))	(57.480.402.274)	-
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày chuyển thành công ty con của Tập đoàn	(42.804.509.933)	(38.985.406.946)
Tăng do hai công ty con cấp 2 chuyển thành công ty liên kết (Thuyết minh 5(a))	46.003.323.962	113.348.901.096
Giảm do mất quyền kiểm soát các công ty con cấp 1	-	(106.064.726.300)
Khác	121.672.456	8.041.404.740
Số dư cuối năm	1.850.568.941.017	1.648.681.034.451

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	269.720.105.352	209.139.075.780
Phải thu các khách hàng khác	1.964.077.173.468	2.029.084.395.330
	2.233.797.278.820	2.238.223.471.110

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ là 361 tỷ VND (1/1/2016: 287 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

(*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	-	477.511.086
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức	67.867.351.724	67.594.248.784
Công ty TNHH Coats Phong Phú	83.849.547.695	75.512.228.353
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	49.096.825.798	57.514.995.089
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	58.111.684.580	-
Các công ty liên quan khác	10.794.695.555	8.040.092.468
	269.720.105.352	209.139.075.780

Khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	166.800.000.000	106.300.000.000
▪ Các công ty liên quan khác	2.500.000.000	20.000.000.000
Bên thứ ba		
▪ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	68.888.460.000
▪ Các công ty khác	8.739.342.156	6.690.708.302
	178.039.342.156	201.879.168.302

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các công ty liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất dao động từ 4% đến 17,2% (2015: từ 6,65% đến 17,2%) một năm.

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu về cổ phần hóa	6.032.299.277	6.214.145.701
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	292.306.644.002	303.008.898.091
Phải thu lãi cho vay	80.105.056.924	57.878.261.322
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	10.457.461.989	9.146.683.835
Phải thu các khoản tạm ứng	25.240.806.180	18.588.317.187
Phải thu cho mượn tài sản, nguyên vật liệu	150.261.466	17.379.259.439
Phải thu người lao động	1.353.984.317	1.354.500.000
Ký cược, ký quỹ	65.843.706.569	97.234.000.000
Các khoản chi hộ	9.257.686.397	15.618.412.969
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	66.155.996.716	57.500.000.000
Đặt cọc tại Ban Quản lý Dự án Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	19.000.000.000	19.000.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	40.525.919.440	-
Phải thu Công ty TNHH Phước Phát tiên chuyển nhượng vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	-	16.145.000.000
Phải thu tiền cho thuê đất trong Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối B	3.635.798.617	6.894.350.323
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	3.242.551.090
Phải thu Công ty Cổ phần Giao thông Hồng Lĩnh tiên chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	28.579.063.361	41.170.983.708
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	9.142.331.171	2.919.583.333
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm đang chờ xử lý (*)	15.500.718.763	-
Phải thu khác	58.812.249.539	59.018.848.188
	736.642.535.818	733.613.795.186

(*) Trong năm, hàng tồn kho của một công ty con của Tập đoàn bị tổn thất do lũ lụt. Hàng tồn kho này thuộc đối tượng được bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm do công ty con này mua tại các công ty bảo hiểm phi nhân thọ. Tại ngày báo cáo, công ty con này đang trong quá trình giải quyết việc đền bù tổn thất với các công ty bảo hiểm.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	14.230.339.200	14.230.339.200
Công ty TNHH Coats Phong Phú	75.600.000.000	161.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	177.647.487.665	100.504.243.889
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.600.000.000	12.616.500.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	40.217.760.000	40.217.760.000
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	40.525.919.440	-
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	24.637.500.000	19.710.000.000
Các công ty liên quan khác	31.186.931.587	27.852.050.957
	416.645.937.892	376.130.894.046

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	401.868.488.835	450.847.335.508
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	119.322.594.796	119.322.594.796
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	320.069.471.852	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	46.171.520.256	7.324.227.712
Phải thu dài hạn khác	39.259.430.125	1.121.765.924
	926.691.505.864	578.615.923.940

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án HUD Sơn Trà	-	69.655.996.716
Dự án Khu Công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	250.000.000.000
Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B	113.285.020.627	92.607.870.584
Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	25.102.773.208	25.102.773.208
Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	13.480.695.000
	401.868.488.835	450.847.335.508

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2016			Thời gian quá hạn	1/1/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH ITG Phong Phú	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	36.669.572.750	(29.330.536.774)	7.339.035.976	Trên 3 năm	37.543.029.312	(23.914.493.474)	13.628.535.838
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 2 năm	40.393.792.764	(26.859.013.654)	13.534.779.110	Trên 2 năm	31.696.652.337	(15.748.326.169)	15.948.326.168
Các khách hàng khác		253.089.723.934	(205.557.151.605)	47.532.572.329		264.024.984.209	(175.651.143.267)	88.373.840.942
		440.782.843.215	(372.376.455.800)	68.406.387.415		443.894.419.625	(325.943.716.677)	117.950.702.948
Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-		-	-	-
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(372.376.455.800)			(325.943.716.677)		
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(119.322.594.796)			-		

12. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	173.171.827.659	(4.525.261.870)	114.315.560.771	(647.394.977)
Nguyên vật liệu	852.388.600.295	(15.796.640.938)	910.446.852.856	(11.130.054.296)
Công cụ và dụng cụ	13.449.707.512	-	15.836.396.805	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.248.097.045.251	(231.095.106)	1.085.487.854.869	(1.233.146.756)
Thành phẩm	864.119.068.667	(58.968.861.807)	848.040.130.993	(27.161.964.642)
Hàng hóa	66.760.443.029	(94.820.657)	87.229.695.764	(486.095.980)
Hàng gửi đi bán	68.600.558.027	-	74.134.167.706	-
	3.286.587.250.440	(79.616.680.378)	3.135.490.659.764	(40.658.656.651)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 634 tỷ VND (1/1/2016: 895 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 256 tỷ VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2016: 106 tỷ VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.678.901.322.469	6.391.409.065.129	266.534.360.764	65.814.180.254	122.317.880.929	9.524.976.809.545
Tăng trong năm	47.729.193.098	172.585.947.191	12.913.263.378	5.001.688.326	15.655.720.300	253.885.812.293
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	350.108.647.746	1.368.706.165.289	18.307.220.274	12.981.591.047	14.169.668.857	1.764.273.293.213
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	100.192.173.518	102.088.117.769	1.816.921.633	1.051.893.400	1.346.599.608	206.495.705.928
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	14.340.713.271	32.760.812.077	-	-	-	47.101.525.348
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(2.890.030.050)	-	(1.647.099.500)	-	(4.537.129.550)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.869.168.247)	(650.000.000)	-	-	-	(3.519.168.247)
Thanh lý	(34.863.348.106)	(184.721.055.754)	(4.975.521.540)	(1.997.627.266)	(2.436.774.150)	(228.994.326.816)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(183.153.794.399)	(288.433.787.867)	(3.566.619.456)	(625.267.806)	(9.988.363.281)	(485.767.832.809)
Xóa sổ	(16.644.516.488)	-	-	-	-	(16.644.516.488)
Phân loại lại	(9.653.806)	9.653.806	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.953.731.569.056	7.590.864.887.590	291.029.625.053	80.579.358.455	141.064.732.263	11.057.270.172.417

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	906.504.249.097	3.834.415.666.574	144.529.469.133	39.892.727.827	52.342.279.559	4.977.684.392.190
Khấu hao trong năm	114.096.186.455	412.508.838.100	25.774.541.609	7.076.257.770	15.933.604.327	575.389.428.261
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	13.118.446.046	22.412.773.969	645.701.212	524.253.878	351.883.429	37.053.058.534
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	3.942.980.985	-	-	-	3.942.980.985
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(650.261.497)	-	(12.951.753)	-	(663.213.250)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.604.702.173)	-	-	-	-	(2.604.702.173)
Thanh lý	(30.765.357.992)	(171.239.633.013)	(4.609.758.061)	(1.980.792.986)	(1.233.509.176)	(209.829.051.228)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(5.266.617.905)	(25.001.446.590)	(669.738.606)	(495.783.673)	(883.916.391)	(32.317.503.165)
Xóa sổ	(9.325.707.267)	-	-	-	-	(9.325.707.267)
Phân loại lại	859.591.961	(1.478.955.922)	619.363.961	-	-	-
Số dư cuối năm	986.616.088.222	4.074.909.962.606	166.289.579.248	45.003.711.063	66.510.341.748	5.339.329.682.887
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.772.397.073.372	2.556.993.398.555	122.004.891.631	25.921.452.427	69.975.601.370	4.547.292.417.355
Số dư cuối năm	1.967.115.480.834	3.515.954.924.984	124.740.045.805	35.575.647.392	74.554.390.515	5.717.940.489.530

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 1.724 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 1.417 tỷ VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7 tỷ VND (1/1/2016: 9 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.176 tỷ VND (1/1/2016: 3.733 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	77.869.150.876
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	15.184.674.297
Thanh lý	(787.359.160)
	<hr/>
Số dư cuối năm	92.266.466.013
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	14.783.544.117
Khấu hao trong năm	7.871.890.315
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	3.303.119.940
Thanh lý	(393.679.575)
	<hr/>
Số dư cuối năm	25.564.874.797
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	63.085.606.759
Số dư cuối năm	66.701.591.216
	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	127.138.768.908	11.917.982.515	657.415.000	139.714.166.423
Tăng trong năm	16.412.539.697	2.397.773.907	444.246.600	19.254.560.204
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	3.273.749.880	86.100.000	-	3.359.849.880
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.005.602.000	-	2.005.602.000
Thanh lý	(620.000.000)	(55.755.000)	-	(675.755.000)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(221.250.000)	-	(221.250.000)
Số dư cuối năm	146.205.058.485	16.130.453.422	1.101.661.600	163.437.173.507
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	16.230.649.739	7.001.616.086	591.606.334	23.823.872.159
Khấu hao trong năm	2.768.579.639	1.911.765.293	12.034.257	4.692.379.189
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	12.556.250	-	12.556.250
Thanh lý	(499.531.713)	(9.607.125)	-	(509.138.838)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(20.458.333)	-	(20.458.333)
Số dư cuối năm	18.499.697.665	8.895.872.171	603.640.591	27.999.210.427
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	110.908.119.169	4.916.366.429	65.808.666	115.890.294.264
Số dư cuối năm	127.705.360.820	7.234.581.251	498.021.009	135.437.963.080

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, tài sản cố định vô hình có nguyên giá 1 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa VND	Vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	99.294.687.146	49.076.159.710	588.145.491	148.958.992.347
<i>Số dư đầu năm – đã báo cáo trước đây</i>	<i>112.366.713.855</i>	<i>49.076.159.710</i>	<i>588.145.491</i>	<i>162.031.019.056</i>
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 49)</i>	<i>(13.072.026.709)</i>	-	-	<i>(13.072.026.709)</i>
Tăng trong năm	-	375.571.016	86.713.095	462.284.111
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	2.812.063.160	707.105.087	3.519.168.247
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	5.595.710.019	5.595.710.019
Giảm giá trị tương ứng với các hợp đồng cho thuê lại đất ghi nhận doanh thu một lần	(32.854.588.185)	-	-	(32.854.588.185)
Số dư cuối năm	66.440.098.961	52.263.793.886	6.977.673.692	125.681.566.539

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa VND	Vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.784.839.497	16.200.464.350	288.211.602	18.273.515.449
Số dư đầu năm – đã báo cáo trước đây	8.419.773.693	16.200.464.350	288.211.602	24.908.449.645
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 49)	(6.634.934.196)	-	-	(6.634.934.196)
Khấu hao trong năm	1.726.341.985	1.768.724.358	133.198.720	3.628.265.063
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	2.604.702.173	-	2.604.702.173
Giảm giá trị tương ứng với các hợp đồng cho thuê lại đất ghi nhận doanh thu một lần	(402.148.389)	-	-	(402.148.389)
Số dư cuối năm	3.109.033.093	20.573.890.881	421.410.322	24.104.334.296
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	97.509.847.649	32.875.695.360	299.933.889	130.685.476.898
Số dư cuối năm	63.331.065.868	31.689.903.005	6.556.263.370	101.577.232.243

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho, nhà xưởng, và trạm biến áp tại Ấp Tân Thái, Xã Hồ Nai 3, Huyện Tràng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và căn hộ chung cư New Town Số 69, Đường 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	1.326.835.437.886	266.093.397.264
Tăng trong năm	1.660.562.072.902	1.791.796.915.214
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.764.273.293.213)	(553.157.666.067)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.005.602.000)	(221.250.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.595.710.019)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(91.008.256.066)	(45.074.818.401)
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong năm	12.499.147.993	-
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(4.871.228.260)	(127.727.285.278)
Thanh lý	-	(4.873.854.846)
Số dư cuối năm	1.132.142.569.223	1.326.835.437.886

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
• Nhà máy Sợi Nam Định	21.985.386.962	168.030.012.763
• Nhà máy Sợi Phú Cường	20.766.833.497	316.442.844.422
• Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	13.410.122.957	262.300.252.185
• Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	-	97.912.389.378
• Nhà máy May Quảng Bình	5.557.770.050	648.291.111
• Nhà máy May Bạc Liêu	14.048.857.262	-
• Nhà máy May Tuyên Quang	29.215.075.863	-
• Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	6.335.837.250	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	5.062.909.771	9.133.406.988
• Văn phòng Ngô Thị Nhậm	27.816.556.643	-
• Nhà máy sợi Hưng Yên	5.956.500.224	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
• Dự án nhà ở công nhân	3.200.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đắk Lắk	12.493.091.904	14.861.730.952
• Trang trại Ia Lốp - Đắk Lắk	5.026.951.188	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy kéo sợi Hưng Yên	-	186.568.117.361
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Nhà máy kéo sợi tại Khu Công nghiệp Đồng Văn	285.086.654.835	18.491.972.353
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	27.524.726.193	27.535.279.829
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	69.725.226.915	54.640.730.355
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	18.329.264.068	18.325.569.336
• Xây dựng nhà máy sợi 3 - 12 Vạn cọc	6.689.758.596	-
• Các công trình khác	26.927.142.679	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
• Dự án máy nhuộm	4.108.111.117	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	54.262.685.562	51.980.925.381

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
▪ Công ty Cổ phần Sợi Thanh Châu Dệt Nam Định		
• Công trình đầu tư nhà xưởng máy se sợi	3.394.643.800	-
▪ Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
• Dự án công nghệ sinh học	2.238.168.619	-
▪ Công ty Sợi Thăng Bình		
• Xây dựng Nhà xưởng Sợi Thăng Bình	25.711.906.055	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
• Thi công xây dựng Xưởng dệt Jacquard	8.064.287.500	-
• Xưởng chuẩn bị	6.699.002.368	-
• Máy móc thiết bị	4.694.017.917	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang		
• Nhà máy Sản xuất vải dệt kim	201.224.598.925	80.745.818.139
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Phân xưởng may	25.326.424.297	5.159.197.481
• Khuôn viên nhà 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lâm Đồng - Đà Lạt	6.270.858.448	-
• Dự án Khăn bông và Vải denim	125.185.301.630	-
• Dự án đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng Phong Phú - Lagi - Bình Thuận	3.547.525.252	-
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex		
• Nhà cửa	6.281.513.126	-
▪ Các công trình khác	49.974.857.750	14.058.899.852
	<u>1.132.142.569.223</u>	<u>1.326.835.437.886</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 122 tỷ VND (1/1/2016: 300 tỷ VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 17 tỷ VND (2015: 25 tỷ VND).

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.279.408.117	2.285.000.733
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	9.755.193.289	9.756.786.160
Công cụ dụng cụ	5.182.574.915	3.468.970.229
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.734.822.410	7.483.473.486
	22.951.998.731	22.994.230.608

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	9.645.504.694	200.822.471.954	40.222.035.449	150.055.863.701	3.915.262.825	10.850.507.678	17.463.226.303	-	28.234.710.282	461.209.582.886
Tăng trong năm	-	15.924.751.076	-	113.508.766.703	-	13.035.814.829	5.581.983.652	15.146.064.363	58.039.298.915	221.236.679.538
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	37.473.055.753	-	32.442.762.778	-	-	288.019.893	-	20.804.417.642	91.008.256.066
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	(43.158.544.363)	-	-	-	-	-	(43.158.544.363)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	3.873.916.300	-	-	-	-	-	3.873.916.300
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	104.439.249	579.776.291	-	-	3.516.655.142	-	261.359.075	4.462.229.757
Thanh lý	-	(17.071.793.327)	-	-	-	-	-	-	-	(17.071.793.327)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(1.585.584.000)	-	(19.675.448.270)	-	-	-	-	(1.054.999.894)	(22.316.032.164)
Phân bổ trong năm	(3.486.183.585)	(21.286.710.370)	(9.402.215.449)	(73.823.276.805)	(1.957.631.412)	(7.109.020.160)	(6.709.910.550)	-	(52.144.767.040)	(175.919.715.371)
Xóa sổ	-	-	-	(49.154.947.660)	-	-	-	-	-	(49.154.947.660)
Biến động khác	-	-	-	274.000.000	-	-	-	-	-	274.000.000
Số dư cuối năm	6.159.321.109	214.276.191.086	30.924.259.249	114.922.868.675	1.957.631.413	16.777.302.347	20.139.974.440	15.146.064.363	54.140.018.980	474.443.631.662

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 34 tỷ VND (1/1/2016: Không) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	2.757.493.791	8.941.954.844
Các khoản mục khác	20%	4.950.207.304	3.876.703.689
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		7.707.701.095	12.818.658.533
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Phải thu tiền đền bù, giải tỏa mặt bằng	20%	-	23.864.518.959
Các khoản mục khác	20%	64.896.986.719	22.142.925.497
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		64.896.986.719	46.007.444.456

20. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm	53.314.412.096
Tăng trong năm (Thuyết minh 5)	23.667.548.420
<hr/>	
Số dư cuối năm	76.981.960.516
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	20.058.038.841
Khấu hao trong năm	26.367.013.428
<hr/>	
Số dư cuối năm	46.425.052.269
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	33.256.373.255
Số dư cuối năm	30.556.908.247

21. Phải trả người bán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
▪ Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	83.125.034.565	105.936.935.422
▪ Phải trả người bán khác	1.188.044.206.083	1.097.554.622.574
<hr/>		<hr/>
	1.271.169.240.648	1.203.491.557.996
<hr/>		
Phải trả người bán dài hạn		
▪ Phải trả người bán khác	15.920.738.161	21.780.241.292

(*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	34.703.399.592	27.671.551.336
Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	-	38.191.685.755
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	8.109.361.341	7.100.882.915
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	8.657.272.681	24.236.373.310
Tổng Công ty May 10 - CTCP	-	2.823.799.815
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	24.801.868.113	-
Các công ty liên quan khác	6.853.132.838	5.912.642.291
<hr/>		<hr/>
	83.125.034.565	105.936.935.422

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	31/12/2016 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.946.448.512	495.042.241	(315.917.738)	-	5.125.573.015
Thuế xuất nhập khẩu	6.154.334.982	42.664.014.908	(21.834.463.427)	-	26.983.886.463
Thuế nhà đất	-	4.266.504.920	(3.235.463.920)	-	1.031.041.000
Các loại thuế khác	1.609.196.589	778.104.448	(1.628.468.942)	(7.601.425)	751.230.670
Các khoản khác					
Các khoản khác	1.669.654.894	11.016.944	(1.039.238.595)	-	641.433.243
	14.379.634.977	48.214.683.461	(28.053.552.622)	(7.601.425)	34.533.164.391

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	31/12/2016 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	22.683.996.551	472.753.996.264	(475.223.396.839)	-	20.214.595.976
Thuế xuất nhập khẩu	3.170.139.874	15.331.962.903	(18.350.582.462)	-	151.520.315
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.798.650.161	80.177.835.872	(68.502.977.744)	(156.307.063)	32.317.201.226
Thuế thu nhập cá nhân	10.002.751.195	14.225.007.971	(15.662.859.479)	(22.139.089)	8.542.760.598
Thuế tài nguyên	64.235.536	837.668.054	(763.047.847)	-	138.855.743
Thuế nhà đất	23.360.214.019	14.775.895.832	(24.377.314.203)	-	13.758.795.648
Tiền thuê đất	21.291.071.606	66.721.030.603	(73.014.275.865)	-	14.997.826.344
Các loại thuế khác	4.167.236.290	5.768.649.402	(6.208.482.392)	-	3.727.403.300
Các khoản phải nộp khác					
Các khoản khác	161.822.641	134.489.007	(296.311.648)	-	-
	105.700.117.873	670.726.535.908	(682.399.248.479)	(178.446.152)	93.848.959.150

23. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay	27.766.686.948	15.634.571.661
Chi phí hoạt động	17.765.749.384	19.544.661.980
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	95.747.115.431	95.395.115.431
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	4.486.961.870	18.274.379.066
Chi phí cải tạo, sửa chữa	15.732.755.545	15.709.968.145
Chi phí gia công thuê ngoài	958.232.913	1.151.606.813
Chi phí giải phóng mặt bằng	-	3.000.000.000
Phí hoa hồng	4.007.649.398	3.456.281.760
Chi phí phải trả khác	8.235.381.589	15.774.559.976
	174.700.533.078	187.941.144.832
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	175.649.205.078	188.889.816.832

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	27.511.488.000	28.460.160.000
Chi phí phải trả khác	-	1.282.923.822
	27.511.488.000	29.743.083.822
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	26.562.816.000	28.794.411.822

(*) Phân ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

24. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	27.880.058.887	23.019.880.593
Phải trả về cổ phần hóa	7.677.704.301	5.762.899.011
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	297.418.118	363.875.746
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	18.936.155.635	17.627.731.759
Phải trả lãi vay khác	46.798.726.172	27.011.838.070
Phải trả cổ tức	14.730.104.706	27.619.916.234
Quỹ từ thiện	8.017.371.663	3.551.073.470
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN	47.184.176.063	68.455.091.012
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	-	4.672.021.554
Tiền thưởng phải trả cho nhân viên	14.854.155.199	14.984.617.189
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	-	54.477.154.476
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	364.061.259.133	369.532.259.133
Các khoản phải trả khác	54.016.898.746	67.137.233.311
	604.454.028.623	684.215.591.558

(*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Công văn 17623"). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.000.000.000
Nhận góp vốn dài hạn	6.826.000.000	9.776.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	74.882.125.734	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	12.053.540.073	663.098.840
	138.799.092.807	55.439.098.840

(*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án Xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại số 67 Phố Thị Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

25. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu nhận trước	140.636.004.076	92.452.920.891
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	-	(6.833.858.515)
	140.636.004.076	85.619.062.376

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính****(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.840.827.710.301	3.840.827.710.301	12.323.467.608.044	(12.516.640.808.114)	3.647.654.510.231	3.647.654.510.231
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	25.259.133.930	25.259.133.930	354.220.229.861	(25.259.133.930)	354.220.229.861	354.220.229.861
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	18.370.842.424	18.370.842.424	18.840.411.034	(18.370.842.424)	18.840.411.034	18.840.411.034
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	258.990.000	258.990.000	880.410.000	(258.990.000)	880.410.000	880.410.000
	3.884.716.676.655	3.884.716.676.655	12.697.408.658.939	(12.560.529.774.468)	4.021.595.561.126	4.021.595.561.126

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong khoản vay ngắn hạn có 1.746 tỷ VND (1/1/2016: 1.671 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tổng cộng là 1.836 tỷ VND (1/1/2016: 1.550 tỷ VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 1,2% đến 10% (2015: từ 0% đến 10%) một năm.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,3% đến 10% (2015: từ 1,5% đến 10,5%) một năm.

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn (i)	4.847.230.336.931	3.730.641.728.608
Trái phiếu thường (ii)	314.000.000.000	500.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	29.856.241.569	25.989.622.795
Nợ dài hạn khác	880.410.000	8.627.997.941
	<hr/>	<hr/>
	5.191.966.988.500	4.265.259.349.344
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(373.941.050.895)	(43.888.966.354)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	4.818.025.937.605	4.221.370.382.990

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong khoản vay dài hạn có 4.761 tỷ VND (1/1/2016: 3.667 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.911 tỷ VND (1/1/2016: 4.012 tỷ VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 2% đến 11% (2015: từ 3,0% đến 11,0%) một năm.

Các khoản vay dài hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 3% đến 11% (2015: từ 3% đến 11%) một năm.

Trong khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ là 1.422 tỷ VND (1/1/2016: Không VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	314.000.000.000	500.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				<hr/>	<hr/>
				314.000.000.000	500.000.000.000

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 164 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 215 tỷ VND). Theo các điều khoản của trái phiếu đã phát hành, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể thỏa thuận với các nhà đầu tư để mua lại các trái phiếu này trước ngày đáo hạn.

27. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	117.290.115.751	4.717.381.547	122.007.497.298
Dự phòng sử dụng trong năm	(537.170.206)	-	(537.170.206)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(27.077.027.227)	(3.700.000.000)	(30.777.027.227)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(1.017.381.547)	(1.017.381.547)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	89.675.918.318	-	89.675.918.318
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Dài hạn	89.675.918.318	-	89.675.918.318

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	133.278.587.996	129.390.455.110
Trích lập trong năm	56.541.000.340	52.307.285.638
Tăng do hợp nhất công ty con mới	-	5.932.527.126
Sử dụng trong năm	(50.298.180.524)	(52.640.524.438)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(1.711.155.440)
Số dư cuối năm	139.521.407.812	133.278.587.996

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	4.299.595.911.499	-	770.234.193.045	(803.152.512.757)	388.519.949.500	10.735.145.017	207.834.918.253	2.760.607.38	1.612.907.276.735	6.489.435.488.67	43.125.910.03	6.532.561.398.705
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	44.737.415.558	44.737.415.558	-	44.737.415.558
Biến động thuần của cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	10.707.507.646	10.707.507.646	-	10.707.507.646
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	494.591.729.18	-	494.591.729.18	5.411.295.33	500.003.024.518
Lợi nhuận thuần trong năm – đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	-	389.797.849.246	-	157.089.431.742	546.887.280.988	-	546.887.280.988
Lợi nhuận thuần trong năm – đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	-	-	382.184.634.187	-	149.774.774.136	531.959.408.32	-	531.959.408.323
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	-	-	7.613.215.059	-	7.314.657.606	14.927.872.66	-	14.927.872.665
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	29.317.611.379	358.315.136	(29.675.926.515)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(30.667.315.831)	-	(21.639.969.807)	(52.307.285.638)	-	(52.307.285.638)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(167.442.705)	(200.890.136)	-	-	(3.505.414.792)	(3.873.747.633)	(7.108.581.934)	(10.982.329.567)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(102.500.791.652)	(102.500.791.652)	-	(102.500.791.652)
Điều chuyển tăng vốn công ty cổ phần	700.404.088.501	29.911.650.892	(730.315.739.393)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	71.763.389.445	71.763.389.44	-	71.763.389.445
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phí khoản đầu tư vào các công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	(13.854.265.616)	(13.854.265.616)	-	(13.854.265.616)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	54.386.931.715	-	-	-	-	(384.971.084.612)	(330.584.152.897)	-	(330.584.152.897)
Giảm tỷ lệ sở hữu tại một công ty con nhưng không thay đổi quyền kiểm soát đối với công ty con này	-	-	-	-	-	-	30.103.980.188	-	110.496.819.812	140.600.800.00	-	140.600.800.000
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	2.330.177.087	-	3.350.884.224	51.782.350	3.705.974.644	-	1.368.385.118	10.807.203.42	-	10.807.203.423
Số dư tại ngày 1/1/2016 – đã điều chỉnh lại	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(748.765.581.042)	421.021.002.398	10.944.352.367	571.099.479.985	497.352.336.56	1.482.598.699.577	7.306.410.571.47	41.428.623.43	7.347.839.194.913
Số dư tại ngày 1/1/2016 - đã báo cáo trước đây	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(748.765.581.042)	421.021.002.398	10.944.352.367	563.486.264.926	497.352.336.56	1.475.284.041.971	7.291.482.698.81	41.428.623.43	7.332.911.322.248
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	-	-	7.613.215.059	-	7.314.657.606	14.927.872.66	-	14.927.872.665
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	65.779.619.792	65.779.619.79	-	65.779.619.792
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	54.496.650.07	-	54.496.650.07	4.630.310.16	59.126.960.247
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	324.833.974.935	-	254.488.382.125	579.322.357.06	-	579.322.357.060
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	37.905.198.065	140.656.157	(38.045.854.222)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(37.296.250.097)	-	(19.244.750.243)	(56.541.000.340)	-	(56.541.000.340)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(103.363.465)	-	-	(453.703.204)	(557.066.669)	(8.225.417.192)	(8.782.483.861)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(139.983.650.194)	(389.983.650.194)	-	(389.983.650.194)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	66.956.934.685	66.956.934.68	-	66.956.934.685
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phí khoản đầu tư của công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày năm quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	(59.507.455.683)	(59.507.455.683)	-	(59.507.455.683)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(59.939.499.541)	(59.939.499.541)	-	(59.939.499.541)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	(14.969.831.020)	-	59.769.831.020	44.800.000.00	-	44.800.000.000
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	5.930.491.30	(1.107.324.004)	-	(430.722.429)	2.028.805.71	1.519.641.170	7.940.891.76	(2.541.334.800)	5.399.556.962
Số dư tại ngày 31/12/2016	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(742.835.089.736)	457.818.876.459	10.981.645.059	555.190.797.152	553.877.792.36	1.651.984.049.504	7.559.178.352.42	35.292.181.61	7.594.470.534.040

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phân ảnh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	31/12/2016 và 1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam (*)	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	82.561.900	825.619.000.000	16,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

31. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 6 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2015 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá).

32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

33. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	235.664.195.144	235.664.195.144
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	116.000.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
Nguồn khác	10.784.947.137	8.756.141.418
	553.877.792.360	497.352.336.562

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Trong năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán một số dự án được tài trợ bởi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản này. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	22.242.289.646	20.538.289.646
Trong vòng hai đến năm năm	41.126.582.727	37.551.879.227
Sau năm năm	97.601.917.099	22.621.577.460
	160.970.789.472	80.711.746.333

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công	139.477.888.472	45.148.146.317
Vật tư hàng hóa nhận ký gửi, cầm cố, thế chấp	512.117.980	655.346.580
	139.990.006.452	45.803.492.897

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	8.503.698	192.532.552.307	8.304.296	186.372.340.046
JPY	-	-	178.977	33.280.773
EUR	2.040	48.660.383	3.899	95.484.082
		192.581.212.690		186.501.104.901

(d) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			12.875.760.918	12.875.760.918
			23.289.932.361	23.289.932.361

(e) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phân ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	900.628.660.014	576.991.272.591
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	172.917.602.652	155.761.701.033
	1.073.546.262.666	732.752.973.624

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	14.934.496.499.262	14.622.004.102.668
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	293.820.353.306	376.140.956.213
▪ Cho thuê lại đất thuê	211.405.767.046	29.639.949.971
▪ Bán và cho thuê bất động sản	46.597.490.027	178.162.282.924
	<hr/> 15.486.320.109.641	<hr/> 15.205.947.291.776
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	18.833.850.945	12.389.661.902
▪ Giảm giá hàng bán	1.353.864.273	1.322.058.036
▪ Hàng bán bị trả lại	4.611.579.771	8.389.009.562
	<hr/> 24.799.294.989	<hr/> 22.100.729.500
Doanh thu thuần	<hr/> 15.461.520.814.652	<hr/> 15.183.846.562.276

36. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	13.358.998.563.356	12.893.457.415.028
▪ Dịch vụ đã cung ứng	180.583.445.725	250.182.702.794
▪ Cho thuê lại đất thuê	150.777.113.768	7.483.550.802
▪ Bán và cho thuê bất động sản	19.910.594.223	161.508.268.942
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	47.096.494.087	(13.397.694.212)
	<hr/> 13.757.366.211.159	<hr/> 13.299.234.243.354

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	127.842.309.304	160.436.629.215
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	40.349.344.901	52.256.918.393
Cổ tức được chia	59.669.590.328	37.945.416.178
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.071.415.526	65.986.598.498
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.588.098.077	2.496.639.997
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	8.692.605.408	604.302.741
Lãi thuần do mất quyền kiểm soát đối với các công ty con	14.109.526.440	115.493.091.400
Lãi do thanh lý công ty liên kết	11.614.027.726	1.108.134.668
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.216.222.420	5.985.736.817
	<hr/> 339.153.140.130	<hr/> 442.313.467.907

38. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	333.839.233.856	354.284.173.973
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.758.590.527	4.334.263.222
Lỗ do mất quyền kiểm soát đối với các công ty con	-	98.402.788.317
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	57.480.402.274	-
Lỗ do kinh doanh ngoại hối	(11.284.681.233)	11.998.678.069
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	43.248.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	45.894.472.353	149.268.303.177
Lãi thanh toán chậm	56.335.495.608	58.505.401.040
Chi phí phát hành trái phiếu	757.750.393	3.315.136.698
Chi phí tài chính khác	-	4.835.010.232
	927.147.618	3.677.325.853
	<hr/> 486.708.411.396	<hr/> 688.664.328.894

39. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	67.744.861.755	107.216.453.777
Chi phí công cụ và dụng cụ	9.581.821.045	12.617.879.867
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.414.520.804	1.927.554.367
Chi phí vận chuyển	117.824.900.228	133.919.385.239
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	6.553.819.466	2.118.055.282
Chi phí xuất nguyên vật liệu	5.372.420.239	9.346.794.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.772.006.211	140.537.049.346
Chi phí bao bì	36.809.724.996	33.222.723.804
Chi phí hoa hồng	12.418.862.044	16.681.130.319
Chi phí xuất nhập khẩu	13.900.758.469	12.896.047.755
Chi phí bán hàng khác	92.664.202.432	91.228.462.155
	<hr/>	<hr/>
	492.057.897.689	561.711.536.516

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên văn phòng	414.949.826.409	405.642.063.819
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	22.654.479.893	27.141.768.451
Chi phí khấu hao và phân bổ	64.586.590.333	57.225.473.114
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	165.859.841.059	140.674.832.215
Thuế, phí và lệ phí	39.338.999.260	29.775.361.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.681.585.097	83.709.355.103
Tiền thuê đất	32.998.277.446	30.585.104.221
Công tác phí	11.764.654.407	10.260.713.095
Chi phí tiếp khách	9.557.013.277	9.264.922.290
Chi phí đào tạo	137.609.909	2.218.480.000
Chi phí khác	185.875.959.126	184.128.087.841
	<hr/>	<hr/>
	1.023.404.836.216	980.626.161.554

41. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	111.605.963.972	137.006.404.302
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	21.825.784.227	14.209.038.663
Thu nhập từ đánh giá lại các khoản đầu tư	-	5.710.699.729
Bán phế liệu	1.241.229.339	4.026.886.643
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	7.836.679.534	12.265.144.431
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.295.638.636	5.724.617.115
Hỗ trợ gia công và kinh phí tiêu thụ sản phẩm nhận được	649.124.525	4.888.842.572
Nợ phải trả được điều chỉnh giảm	-	11.516.222.447
Hoàn nhập dự phòng phải trả dài hạn	27.077.027.227	-
Thu từ các khoản khác	28.244.911.222	20.648.778.955
	<hr/>	<hr/>
	203.776.358.682	215.996.634.857

42. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Lỗ do thanh lý tài sản dài hạn và chi phí thanh lý	21.220.178.986	126.253.001.960
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	3.709.385.017	3.512.160.196
Chi phí di dời cơ sở kinh doanh	-	7.191.091.618
Phạt vi phạm thuế	996.125.345	2.515.274.809
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	7.681.094.271	11.041.403.547
Chi phí đền bù tiền giải phóng mặt bằng	10.471.944.292	-
Chi các khoản khác	24.196.929.467	13.746.224.285
	<hr/>	<hr/>
	68.275.657.378	164.259.156.415

43. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	7.761.609.331.541	7.258.886.659.317
Chi phí nhân công	3.015.668.465.820	2.864.083.655.669
Chi phí khấu hao	641.193.318.038	585.663.173.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.219.452.076.251	2.065.393.043.826
Chi phí khác	921.948.736.199	1.067.136.955.048

44. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	78.412.166.603	68.321.322.703
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.765.669.269	167.402.938
	80.177.835.872	68.488.725.641
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	24.000.499.701	30.545.170.555
	104.178.335.573	99.033.896.196

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	683.500.692.633	645.921.177.184
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	136.700.138.527	142.102.658.980
Ưu đãi thuế	(3.717.726.624)	(3.602.812.509)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(8.044.799.622)	(11.144.855.146)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.459.328.734	2.227.154.718
Thu nhập không bị tính thuế	(79.912.775.663)	(72.320.811.859)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(33.865.445)	(235.434.104)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	55.962.366.397	41.840.593.178
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.765.669.269	167.402.938
	104.178.335.573	99.033.896.196

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, từ năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành.

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	2016	2015
	VND	VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	324.833.974.935	389.797.849.246
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
	650	780

(*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Tập đoàn không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tập đoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu, sẽ giảm đi.

46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Các công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo</i>		
Góp vốn đầu tư	-	2.700.000.000
<i>Công ty TNHH Coats Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	294.652.829.341	275.240.096.365
Mua hàng hóa và dịch vụ	108.842.114.502	103.762.921.917
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	40.165.565.267	148.092.221.893
Mua hàng hóa	75.412.268.313	60.471.610.683
Thu nhập lãi cho vay	19.023.521.029	4.259.383.332
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	4.972.260.000	2.919.583.333
Cho vay	60.500.000.000	2.000.000.000

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.045.116.850	40.049.408.621
Mua hàng hóa và dịch vụ	114.976.768	4.024.392.607
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.221.626.146	19.200.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	125.545.455
Tổng Công ty May 10 - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	849.452.396	22.356.701.250
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.481.273.692	19.913.445.237
Góp vốn đầu tư	42.614.160.000	5.918.600.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.775.925.000	134.200.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.478.807.214	68.181.818
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.188.662.260	321.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	49.741.331.557	43.450.078.767
Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.277.610.361	1.275.921.565
Mua hàng hóa và dịch vụ	179.821.400	5.514.823.682
Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	33.570.367.092
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	231.305.493
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Góp vốn đầu tư	-	12.581.130.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	44.400.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	36.628.694.928	37.268.322.827
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu		
Góp vốn đầu tư	-	7.212.000.000
Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	1.803.000.000	-
Tổng Công ty May Đồng Nai		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	288.044.064	20.000.000
Góp vốn đầu tư	-	6.689.280.000

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	77.600.000	20.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.860.012.968	9.374.947.370
Công ty Cổ phần May Hưng Yên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	132.000.000	152.400.000
Góp vốn đầu tư	-	25.387.260.000
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		
Cho vay	-	17.500.000.000
Góp vốn đầu tư	-	24.852.076.451
Công ty Cổ phần May Chiến Thắng		
Góp vốn đầu tư	-	612.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinatex		
Góp vốn đầu tư	-	7.918.626.154
Thoái vốn	7.918.626.154	-
Công ty TNHH Dệt May Vinatex Quốc Tế Toms		
Góp vốn đầu tư	-	27.677.160.000
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu		
Khoản cho vay	1.470.042.156	-
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Đầu tư góp vốn	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May Phương Đông		
Thoái vốn	13.083.311.931	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	38.266.554.469	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương và thù lao đã trả (lương 12 tháng và lương tháng 13)	2.741.220.393	2.676.675.634
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả (lương 12 tháng và lương tháng 13)	3.735.370.048	4.219.001.768

47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Ngoài các giao dịch phi tiền tệ phát sinh từ việc thoái vốn và hợp nhất công ty con mới, như trình bày tại Thuyết minh 5, Tập đoàn còn có các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ sau:

	2016	2015
	VND	VND
Nguyên giá của tài sản cố định do Tập đoàn nhận được thông qua hình thức thuê tài chính	-	20.037.403.056
Nhận góp vốn bằng tài sản cố định	-	4.715.650.867
Đối trừ khoản tiền đã nhận đặt cọc trong năm trước với khoản đầu tư vào công ty con liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May cho một bên thứ ba	-	219.208.552.560

48. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

(a) Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM

Ngày 22 tháng 12 năm 2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 871/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên sàn UPCoM. Ngày 3 tháng 1 năm 2017, 500 triệu cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã chính thức chào sàn UPCoM với giá tham chiếu là 13.500 VND/cổ phiếu.

(b) Cổ đông chiến lược thoái vốn

Ngày 10 tháng 3 năm 2017 Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCD chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

49. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(t)(v), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Tập đoàn thay đổi và áp dụng hồi tố chính sách kế toán đối với ghi nhận doanh thu đối với cho thuê lại đất thuê. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2016		
	Theo báo cáo trước đây VND	Số điều chỉnh VND	Đã điều chỉnh lại VND
Hàng tồn kho	2.874.036.790.784	261.453.868.980	3.135.490.659.764
Bất động sản đầu tư	137.122.569.411	(6.437.092.513)	130.685.476.898
<i>Nguyên giá</i>	162.031.019.056	(13.072.026.709)	148.958.992.347
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(24.908.449.645)	6.634.934.196	(18.273.515.449)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.588.289.306.866	(261.453.868.980)	1.326.835.437.886
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	72.828.899.328	10.481.703.750	83.310.603.078
Thuế và các khoản phải nộp			
Nhà nước	101.968.149.707	3.731.968.166	105.700.117.873
Người mua trả tiền trước dài hạn	33.983.303.750	(10.481.703.750)	23.501.600.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	110.715.995.720	(25.096.933.344)	85.619.062.376
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	563.486.264.926	7.613.215.059	571.099.479.985
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.475.284.041.971	7.314.657.606	1.482.598.699.577

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Theo báo cáo trước đây VND	2015 Số điều chỉnh VND	Đã điều chỉnh lại VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.180.850.358.432	25.096.933.344	15.205.947.291.776
Giá vốn hàng bán	13.292.797.150.841	6.437.092.513	13.299.234.243.354
Lợi nhuận kế toán trước thuế	627.261.336.353	18.659.840.831	645.921.177.184
Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.756.757.475	3.731.968.166	68.488.725.641
Lợi nhuận sau thuế TNDN	531.959.408.323	14.927.872.665	546.887.280.988
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ	382.184.634.187	7.613.215.059	389.797.849.246
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	149.774.774.136	7.314.657.606	157.089.431.742
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	764	16	780

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Vietnam National Textile and Garment Group

Địa chỉ: Tòa nhà Sentinel Place - 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (+84-4) 38257700. Fax: (+84-4) 38262269. Website: www.vinatex.com.vn